

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ & PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
BIDV Tower, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

**BẢN CÁO BẠCH**
CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CỐ BẢO ĐẢM

Hà Nội, 06/2019

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng quyền chỉ có nghĩa là hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền của tổ chức phát hành đã đáp ứng đủ điều kiện, thủ tục theo quy định của pháp luật liên quan, không hàm ý bảo đảm về nội dung của Bản cáo bạch, không hàm ý việc đầu tư vào chứng quyền được bảo đảm hay được thanh toán đầy đủ cũng như mục tiêu, chiến lược đầu tư, phương án kinh doanh của tổ chức phát hành.

Nhà đầu tư được khuyến nghị nên đọc kỹ và hiểu các nội dung quy định ở Bản cáo bạch, đặc biệt là phần cảnh báo rủi ro ở trang 69-74 trong Bản cáo bạch này và chú ý đến các khoản phí, lệ phí, thuế khi giao dịch chứng quyền có đảm bảo.

Giá giao dịch chứng quyền có thể thay đổi tùy vào tình hình thị trường, nhà đầu tư có thể chịu thiệt hại về số vốn đầu tư và có thể mất toàn bộ vốn đầu tư.

Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành và các chứng quyền phát hành trước đây (nếu có) chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là việc đầu tư sẽ sinh lời cho nhà đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do UBCKNN cấp; và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngàytháng.....năm.....)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày ... tháng ... năm 2019 tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 10, 11 Tháp BIDV, số 35 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (+84-24) 39352722 Fax: (+84-24) 22200669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84-28) 38218886 Fax: (+84-28) 38218510

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Đỗ Huy Hoài

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (+84-24) 22200668

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 111/GP-UBCK ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp; và các Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp)

CHÀO BÁN CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

Tên chứng quyền	: Chứng quyền MWG/BSC/C/EU/Cash-01
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	: Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động (MWG)
Loại chứng quyền	: Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	: Thực hiện kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thực hiện bằng tiền
Thời hạn phát hành	: 3 tháng
Ngày phát hành	: Ngày sau khi được Ủy ban cấp phép (T)
Ngày giao dịch cuối cùng	: T + 88
Ngày đáo hạn	: T + 90
Tỷ lệ chuyển đổi	: 4:1 (4 chứng quyền đổi 1 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	: Bằng giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày phát hành
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	: 12.078.500.000 VND - 21.475.000.000 VND
Giá chào bán	: 1.700 VND – 3.100 VND
Tổng số lượng chào bán	: 1.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	: 3.100.000.000 VND

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (+84-24) 3831 5100

Fax: (+84-24) 3831 5090

TỜ CHỨC TƯ VẤN

Không có

NGÂN HÀNG LƯU KÝ NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG

Trụ sở chính : Tòa nhà TPBank, Số 57 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (+84-24) 37688998

Fax: (+84-24) 37688979

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1.	Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền.....	7
2.	Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền.....	8
3.	Rủi ro đặc thù ngành nghề.....	10
4.	Rủi ro khác.....	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	11
1.	Tổ chức phát hành.....	11
2.	Tổ chức tư vấn.....	11
III.	CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	11
1.	Các khái niệm.....	11
2.	Từ viết tắt.....	13
IV.	CƠ HỘI ĐẦU TƯ	15
1.	Tổng quan nền kinh tế Việt Nam.....	15
2.	Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	16
3.	Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo.....	17
V.	THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	17
1.	Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm.....	17
2.	Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành.....	53
3.	Tình hình tài chính.....	59
VI.	CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	63
1.	Thông tin về chứng quyền.....	63
2.	Thông tin về chứng khoán cơ sở.....	64
3.	Thời gian phân phối chứng quyền.....	66
4.	Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán.....	66
5.	Đăng ký quyền mua.....	66
6.	Thanh toán.....	67
7.	Quyền của người sở hữu chứng quyền.....	69

8.	Điều chỉnh chứng quyền.....	70
9.	Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền.....	71
10.	Hoạt động tạo lập thị trường.....	72
VII.	QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM	73
1.	Quy trình quản trị rủi ro.....	73
2.	Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến	74
3.	Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành	76
VIII.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	76
1.	Tổ chức kiểm toán.....	76
2.	Ngân hàng lưu ký	77
IX.	Xung đột lợi ích	77
X.	Cam kết	77
XI.	PHỤ LỤC.....	81

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan.....	29
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu	32
Bảng 3: Một số chỉ tiêu chính của BIDV	33
Bảng 4: Danh sách các thành viên HĐQT	34
Bảng 5: Danh sách kiểm soát viên:.....	41
Bảng 6: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	46
Bảng 7: Danh sách các thành viên QTRR	51
Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh BSC	59
Bảng 9: Dư nợ ngắn hạn	59
Bảng 10: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước.....	60
Bảng 11: Dư nợ ngắn và dài hạn	60
Bảng 12: Các khoản phải thu	61
Bảng 13: Các khoản phải trả.....	61
Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của BSC	62
Bảng 15: Thông tin tài chính cơ bản về chứng khoán cơ sở.....	65
Bảng 16: Chỉ số tài chính của chứng khoán cơ sở	65

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư cần đọc bản cáo bạch này và các tài liệu kèm theo để nắm vững các nội dung của chứng quyền có đảm bảo, các rủi ro đi kèm với việc đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, đồng thời đánh giá sự phù hợp của khoản đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo với mục tiêu đầu tư và tình hình tài chính của mình. Nhà đầu tư được khuyến nghị tham khảo các chuyên viên tư vấn tài chính, môi giới chứng khoán hoặc chuyên viên phân tích để nắm vững về cách thức đầu tư vào sản phẩm chứng quyền có đảm bảo này.

Chứng quyền có đảm bảo là sản phẩm cấu trúc phái sinh, có tính chất phức tạp và không phù hợp với các nhà đầu tư thiếu kinh nghiệm. Chúng tôi không khuyến khích nhà đầu tư tham gia đầu tư khi chưa hiểu rõ sản phẩm và chưa sẵn sàng chấp nhận các rủi ro đầu tư được trình bày dưới đây.

Chúng tôi không cam kết thực hiện điều tra, nghiên cứu liên quan tới tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở: Chúng tôi không đảm bảo về bất cứ sự nghiên cứu, điều tra nào liên quan tới hoạt động của tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở. Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo không nên hiểu sự phát hành chứng quyền có đảm bảo như một khuyến nghị của chúng tôi liên quan tới chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, người sở hữu nên lưu ý rằng các công ty hoặc tổ chức có chứng khoán cơ sở hoặc các tổ chức liên quan khác không tham gia vào soạn thảo bản cáo bạch này.

1. Rủi ro liên quan đến tổ chức phát hành chứng quyền

Rủi ro từ giao dịch của tổ chức phát hành: tổ chức phát hành luôn có thể mua lại chứng quyền có đảm bảo trên thị trường, qua đó tác động trực tiếp đến giá chứng quyền... Ngoài ra, tổ chức phát hành còn có thể thực hiện các giao dịch để phòng ngừa rủi ro và giao dịch này có thể ảnh hưởng đến giá chứng khoán cơ sở, qua đó gián tiếp ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo.

Rủi ro thanh toán: Nhà đầu tư cần lưu ý rằng trong quá trình phát hành chứng quyền có đảm bảo, luôn tồn tại rủi ro tổ chức phát hành bị mất khả năng thanh toán và không thể thực hiện quyền cho nhà đầu tư. Trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán hoặc không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền được thực hiện theo quy định pháp luật liên quan.

Rủi ro chứng quyền có đảm bảo bị hủy niêm yết liên quan tới vấn đề thanh khoản hoặc giải thể: Trong trường hợp tổ chức phát hành giải thể, phá sản, hoặc

tổ chức phát hành không đáp ứng được các tiêu chuẩn của Sở Giao dịch Chứng khoán, chứng quyền có đảm bảo sẽ bị hủy niêm yết. Do đó tồn tại rủi ro chứng quyền có đảm bảo bị hủy trước ngày đáo hạn.

Rủi ro từ việc thực hiện sự tự chủ của tổ chức phát hành: Người sở hữu chứng quyền có đảm bảo nên lưu ý rằng chúng tôi có quyền tự chủ trong các hoạt động kinh doanh phù hợp với điều khoản trong cáo bạch này và có thể ảnh hưởng đến giá chứng quyền có đảm bảo. Trong các sự kiện bị mua lại hoặc thay đổi cấu trúc doanh nghiệp liên quan tới quyền lợi của người sở hữu chứng quyền có đảm bảo, chúng tôi có quyền lựa chọn các hoạt động liên quan tới chứng quyền có đảm bảo mà chúng tôi cho rằng phù hợp. Người sở hữu không có quyền buộc chúng tôi thực hiện các hoạt động liên quan tới giao dịch hoặc thực hiện quyền của chứng quyền có đảm bảo. Tổ chức phát hành cam kết sẽ đưa ra các quyết định mang tính cẩn trọng. Nếu các bên liên quan đến các nghĩa vụ với tổ chức phát hành không thể đảm bảo được các nghĩa vụ của mình thì điều này có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động liên quan tới chứng quyền có đảm bảo.

Rủi ro do mâu thuẫn quyền lợi: tổ chức phát hành tham gia vào nhiều hoạt động khác nhau có thể gây ra mâu thuẫn quyền lợi với người sở hữu chứng quyền. Tổ chức phát hành không có nghĩa vụ công bố thông tin liên quan tới mọi hoạt động giao dịch, tư vấn, thực hiện quyền, mâu thuẫn quyền lợi. Tổ chức phát hành luôn có thể phát hành và niêm yết các chứng quyền có đảm bảo khác có khả năng ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có đảm bảo đã phát hành

2. Rủi ro liên quan đến sản phẩm chứng quyền

Rủi ro đầu tư chung: người sở hữu nên có kiến thức về phương pháp định giá của chứng quyền có đảm bảo và chỉ nên giao dịch sau khi đã xem xét cẩn trọng. Chứng quyền có đảm bảo là sản phẩm phù hợp với nhà đầu tư hiểu rõ về các rủi ro và các cơ chế giá liên quan. Một khoản đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo không tương đương với một khoản đầu tư vào tài sản cơ sở. Mặc dù lợi nhuận của một khoản đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo liên quan mật thiết tới thay đổi trong giá của tài sản cơ sở, sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo đối với sự thay đổi giá tài sản cơ sở có thể không tương đương. Hệ số đòn bẩy cao của chứng quyền có đảm bảo có nghĩa rằng người sở hữu sẽ có rủi ro đầu tư cao hơn so với đầu tư cùng giá trị vào tài sản cơ sở.

Rủi ro do thời gian đáo hạn của chứng quyền có đảm bảo: do chứng quyền có đảm bảo có thời gian đáo hạn nên giá của chứng quyền có đảm bảo có thể bị giảm khi đến gần ngày đáo hạn, và mức giảm giá này có thể sẽ khá lớn. Nếu nhà đầu tư nắm giữ chứng quyền có đảm bảo đến ngày đáo hạn và giá thanh toán nhỏ hơn

hoặc bằng giá thực hiện quyền, thì giá của chứng quyền có đảm bảo sẽ bằng không, khi đó nhà đầu tư sẽ chịu một khoản lỗ bằng đúng số tiền đã bỏ ra để mua chứng quyền có đảm bảo. Vì vậy, trước khi quyết định đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo, nhà đầu tư cần nghiên cứu kỹ xu thế biến động giá của chứng khoán cơ sở trong khoảng thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có đảm bảo.

Rủi ro về giá: rủi ro về giá là rủi ro do sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo. Sự thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo phụ thuộc vào nhiều yếu tố như giá của chứng khoán cơ sở, mức độ biến động giá chứng khoán cơ sở, thời gian còn hiệu lực của chứng quyền có đảm bảo, lãi suất, cổ tức của chứng khoán cơ sở... trong đó, yếu tố quan trọng nhất chính là giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra giá của chứng quyền có đảm bảo còn phụ thuộc vào yếu tố cung cầu của thị trường về chứng quyền có đảm bảo. Mặc dù tổ chức phát hành thường phát hành khối lượng chứng quyền có đảm bảo theo khối lượng đã đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tuy nhiên, tổ chức phát hành vẫn có thể tăng khối lượng cung ứng chứng quyền có đảm bảo thông qua phương thức phát hành bổ sung chứng quyền có đảm bảo miễn là hạn mức phát hành chứng quyền có đảm bảo đó chưa vượt quá hạn mức phát hành tối đa theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc phát hành thêm này có thể ảnh hưởng đến giá của chứng quyền có đảm bảo.

Rủi ro từ tính đòn bẩy: đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo chỉ liên quan đến sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở chứ không phải đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở, do đó nhà đầu tư được hưởng lợi từ tính chất đòn bẩy của chứng quyền có đảm bảo khi có thể nhận được toàn bộ sự thay đổi giá của chứng khoán cơ sở trong khi chỉ phải bỏ ra một phần chứ không phải toàn bộ giá của chứng khoán cơ sở. Ngoài ra, tỷ lệ thay đổi giá của chứng quyền có đảm bảo trên thị trường có thể lớn hơn tỷ lệ thay đổi giá của chứng khoán cơ sở, vì vậy nhà đầu tư có thể lời nhiều hơn hoặc lỗ nhiều hơn so với việc đầu tư trực tiếp vào chứng khoán cơ sở.

Rủi ro thanh khoản: là rủi ro xảy ra khi nhà đầu tư không thể bán chứng quyền có đảm bảo ở mức giá mong muốn do thị trường thiếu thanh khoản đối với chứng quyền có đảm bảo đó. Thanh khoản của chứng quyền có đảm bảo phụ thuộc vào cung cầu thị trường và hiệu quả hoạt động của tổ chức tạo lập thị trường. Mặc dù tổ chức phát hành cam kết sẽ thực hiện các công tác tạo lập thị trường và cung cấp thanh khoản cho thị trường chứng quyền có đảm bảo, tổ chức phát hành không cam kết thị trường giao dịch của chứng quyền có đảm bảo sẽ sôi động.

Rủi ro của chứng quyền kiểu châu Âu: chứng quyền có đảm bảo kiểu châu Âu chỉ cho phép thực hiện quyền vào ngày đáo hạn. Do đó, giá của chứng quyền có đảm

bảo có thể được giao dịch bằng với mức giá đã được chiết khấu so với giá hợp lý ở thời điểm đáo hạn.

Nhà đầu tư sở hữu chứng quyền có đảm bảo không có quyền lợi tương tự cổ đông sở hữu chứng khoán cơ sở bao gồm nhưng không giới hạn quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông, nhận cổ tức, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, hoặc các quyền khác phát sinh từ chứng khoán cơ sở.

3. Rủi ro đặc thù ngành nghề

Một số sự kiện xảy ra (bao gồm và không giới hạn việc phát hành quyền, phát hành cổ phiếu thường hoặc phân phối tiền bởi Công ty, chia nhỏ hoặc hợp nhất chứng khoán cơ sở hoặc sự kiện tái cấu trúc ảnh hưởng tới Công ty) có thể dẫn đến việc chúng tôi phải điều chỉnh các điều khoản của chứng quyền. Tuy nhiên, chúng tôi không có nghĩa vụ phải điều chỉnh các điều khoản và điều kiện của chứng quyền cho mọi sự kiện liên quan tới chứng khoán cơ sở. Bất kỳ sự điều chỉnh hoặc các quyết định không điều chỉnh đều sẽ có tác động tới giá trị của chứng quyền. Việc điều chỉnh chứng quyền sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật. Ngoài ra, một số sự kiện xảy ra (bao gồm chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch) dẫn đến việc chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc tạm ngừng giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Rủi ro khác

Rủi ro về thuế: Các nhà đầu tư mua chứng quyền chịu rủi ro trả thuế cao hơn khi thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Trường hợp bán chứng quyền trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền, do chứng quyền được giao dịch tương tự như chứng khoán cơ sở nên thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền sẽ áp dụng thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán, được xác định bằng giá trị chuyển nhượng chứng quyền từng lần nhân với thuế suất 0,1%.

Trường hợp tại thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền, thời điểm phát sinh thu nhập là thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền bằng tiền, thu nhập của nhà đầu tư áp dụng mức thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần. Trong đó giá chuyển nhượng chứng quyền từng lần là giá thanh toán của chứng khoán cơ sở nhân với số lượng chứng quyền chia cho tỷ lệ chuyển đổi.

Giá thanh toán của chứng khoán cơ sở thường cao hơn rất nhiều so với giá chứng quyền nên các nhà đầu tư nắm giữ tới ngày đáo hạn chịu rủi ro trả thuế thu nhập cao hơn so với việc bán chứng quyền trước ngày đáo hạn.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Ngô Văn Dũng	:	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đỗ Huy Hoài	:	Chức vụ: Tổng Giám đốc
Bà Lê Phương Thủy	:	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
Bà Trần Ngọc Diệp	:	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

Chúng tôi có thể cập nhật hoặc sửa đổi bản cáo bạch này trong quá trình phát hành chứng quyền để đảm bảo đúng các quy định được ban hành. Bất kỳ sự cập nhật bổ sung nào sẽ được công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

2. Tổ chức tư vấn

Không có

III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

1. Các khái niệm

Chứng quyền có bảo đảm (sau đây gọi tắt là chứng quyền) là hợp đồng giữa nhà đầu tư và tổ chức phát hành chứng quyền được định nghĩa theo khoản 1 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.

Chứng khoán cơ sở là chứng khoán được sử dụng làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở là tổ chức phát hành chứng khoán làm tài sản cơ sở của chứng quyền.

Tổ chức phát hành chứng quyền (sau đây gọi tắt là tổ chức phát hành) là công ty chứng khoán phát hành chứng quyền.

Ngân hàng lưu ký là ngân hàng thực hiện việc lưu ký, giám sát tài sản do tổ chức phát hành chứng quyền ký quỹ để bảo đảm thanh toán cho các chứng quyền đã

phát hành và không phải là người có liên quan của tổ chức phát hành theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Người sở hữu chứng quyền là nhà đầu tư sở hữu chứng quyền, đồng thời là chủ nợ có bảo đảm một phần của tổ chức phát hành và không phải là tổ chức phát hành chứng quyền.

Chứng quyền kiểu châu Âu là chứng quyền mà người sở hữu chứng quyền chỉ được thực hiện quyền tại ngày đáo hạn.

Giá thực hiện là mức giá mà người sở hữu chứng quyền mua có quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành, hoặc được tổ chức phát hành dùng để xác định khoản thanh toán cho người sở hữu chứng quyền.

Tỷ lệ chuyển đổi cho biết số lượng chứng quyền cần có để quy đổi thành một đơn vị chứng khoán cơ sở.

Ngày đáo hạn là ngày cuối cùng mà người sở hữu chứng quyền được thực hiện chứng quyền.

Chứng quyền đang lưu hành là chứng quyền chưa đáo hạn và đang được nắm giữ bởi người sở hữu chứng quyền.

Chứng quyền chưa lưu hành là chứng quyền đã phát hành nhưng chưa được sở hữu bởi nhà đầu tư. Chứng quyền chưa lưu hành được lưu ký trên tài khoản của tổ chức phát hành.

Chứng quyền có lãi (ITM) là chứng quyền mua có giá thực hiện thấp hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền lỗ (OTM) là chứng quyền mua có giá thực hiện cao hơn giá của chứng khoán cơ sở.

Chứng quyền hòa vốn (ATM) là chứng quyền mua có giá thực hiện bằng giá của chứng khoán cơ sở.

Vị thế mở chứng quyền của tổ chức phát hành bao gồm tất cả các chứng quyền đang lưu hành chưa được thực hiện.

Delta là giá trị thay đổi của giá chứng quyền ứng với một thay đổi trong giá chứng khoán cơ sở.

Công thức:

$$Delta = \frac{\text{Mức độ thay đổi giá chứng quyền}}{\text{Mức độ thay đổi giá chứng khoán cơ sở}}$$

Giá thanh toán chứng quyền khi thực hiện quyền là bình quân giá đóng cửa của chứng khoán cơ sở trong năm (05) ngày giao dịch liền trước ngày đáo hạn, không bao gồm ngày đáo hạn.

2. Từ viết tắt

Tổ chức phát hành/BSC/ Công ty	Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BCTC	Báo cáo tài chính
BIDV	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam
BVPS	Giá trị sổ sách một cổ phần
CMND	Chứng minh nhân dân
CNTT	Công nghệ thông tin
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
EPS	Thu nhập trên một cổ phần
GCNĐKKD/CMND	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng minh nhân dân
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTGDBQ	Giá trị giao dịch bình quân
HNX	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
HSX	Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
IPO	Phát hành lần đầu ra công chúng
LNST	Lợi nhuận sau thuế
NSNN	Ngân sách nhà nước
QTRR	Quản trị rủi ro
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán nhà nước

UBND	Ủy ban nhân dân
VCSH	Vốn chủ sở hữu
XNK	Xuất nhập khẩu
SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán

IV. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan nền kinh tế Việt Nam

- GDP cả năm 2018 đạt 7,08%. Tốc độ tăng trưởng trong năm được hỗ trợ mạnh chủ yếu từ hoạt động sản xuất điện thoại của Samsung và dòng sản phẩm phân khúc cao như Samsung Note 9, S9 và S9+. Chỉ số PMI 3 tháng 10, 11 và 12 của Việt Nam tăng mạnh trái ngược hẳn với Trung Quốc, trong đó nhân tố đóng góp chính là số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu tăng cao. Như vậy, chỉ số PMI tích cực cùng với tình trạng tiêu dùng trong nước ổn định giúp chúng ta đảm bảo tốc độ tăng trưởng GDP cho năm sau.
- CPI đạt mức 3,54% trong năm 2018. Với mức tăng này, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% của Chính phủ đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018.
- Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2018 đạt mức 480,17 tỷ, tăng 12,2%. Trong đó trị giá hàng hóa xuất khẩu đạt 243,48 tỷ USD, tăng 13,2% và nhập khẩu đạt 236,69 tỷ USD, tăng 11,1%. Tốc độ tăng trưởng của nhập khẩu trong năm 2019 ước tính sẽ tăng mạnh hơn so với năm 2018, xu hướng chuyển dịch chuỗi sản xuất dây chuyền từ Trung Quốc sang Việt Nam sẽ làm tăng tổng lượng kim ngạch nhập khẩu nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất cho khối lượng đơn đặt hàng mới.
- Trong năm 2018, việc VND giảm 2,7% so với USD (trong khi đó: CNY -5,9%, KRW -5,5%, MYF. -3,3%) cho thấy VND ổn định hơn nhiều so với các đồng tiền trong khu vực. Những chuyển biến tích cực trong bức tranh kinh tế vĩ mô Việt Nam đã phần nào triệt tiêu bớt ảnh hưởng tiêu cực từ thế giới và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động điều hành tỷ giá của NHNN.
- Năm 2018, tăng trưởng tín dụng đạt 14%. Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực; trong đó tín dụng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát ở mức hợp lý.
- Trong năm 2018, tổng vốn đăng ký cấp mới, tăng thêm và góp vốn mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài (FDI) đạt 35,46 tỷ USD, bằng 98,8% so với cùng kỳ năm 2017. Ước tính các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài đã giải ngân 19,1 tỷ USD, tăng 9,1% so với cùng kỳ năm 2017.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

Thị trường chứng khoán đã trải qua năm 2018 với đầy biến động thăng trầm. Trong hơn 4 tháng đầu năm thị tăng trưởng tốt và đạt mốc đỉnh trong năm 2018 với 1.204,3 điểm vào đầu tháng 4, mốc cao nhất trong các năm qua. Tuy nhiên thị trường đã chịu tác động nhiều trong khoảng thời gian còn lại do các yếu tố vĩ mô từ thế giới và tạo đáy ở mốc 888,82 điểm cuối tháng 10. Khó ngoại tiếp tục là yếu tố dẫn dắt thị trường chứng khoán Việt nam trong 2018 với mức mua ròng 44.098 tỷ đồng trên cả 3 sàn tương ứng với 1.892 tỷ USD tăng 108% YOY. Trong khi hầu hết các thị trường trong khu vực chứng kiến sự rút chạy của dòng vốn mạnh mẽ, Việt Nam tiếp tục là thị trường nhận được dòng tiền mạnh mẽ trong khu vực và chỉ sau Trung Quốc và là năm thứ 2 dòng tiền ngoại duy trì mạnh mẽ.

Quy mô vốn hóa của cả 3 sàn đạt 4.004,97 nghìn tỷ đồng tương đương 171,88 tỷ USD, tăng 18,95% so với năm 2017. Quy mô vốn hóa sàn UPCOM áp đảo so với sàn HNX và đạt hơn 933,48 nghìn tỷ tăng 38,68% YoY. Xu hướng cổ phần hóa và thoái vốn tiếp tục tạo nền móng vững chắc cho tăng trưởng vốn hóa của thị trường Việt Nam. Hàng loạt các mã lớn như VHM, POW, BSR, ... với độ hấp dẫn cao đã hút mạnh không chỉ dòng vốn của nhà đầu tư nước ngoài mà còn cả nhà đầu tư trong nước.

Thanh khoản bình quân trên HSX và HNX đạt 6.283 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh so với mức 4.805 tỷ đồng/phiên trong 2017, tương ứng tăng thêm 30,75%. Thanh khoản tăng mạnh nhất vào các tháng đầu năm 2018. Thanh khoản đạt mức cao nhất trong tháng 1 với 9.640 tỷ đồng/phiên và duy trì ở mức cao trong 4 tháng tiếp theo.

Nỗ lực nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên nhóm thị trường mới nổi theo MSCI của cơ quan quản lý là động lực thay đổi chính sách và giúp cho thị trường trở lên hấp dẫn. Thị trường phái sinh đã ra đời trong năm 2017 với sản phẩm đầu tiên là HĐTL chỉ số và sau đó các sản phẩm khác HĐTL trái phiếu, chứng quyền đảm bảo, ... sẽ được vận hành trong năm 2018. Nghị định 60 với bước đột phá về quy định nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài trên thị trường chứng khoán. Cùng với những biện pháp rút ngắn thời gian mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài, hướng tới công bố thông tin của các Công ty niêm yết bằng Tiếng Anh, ... đang là những chuyển biến mạnh mẽ giúp TTCK Việt Nam hội nhập với khu vực và quốc tế.

Quy mô thị trường ngày càng mở rộng thu hút dòng vốn nước ngoài và nhà đầu tư trong nước. Bên cạnh lực lượng NĐT cá nhân trên thị trường, các tổ chức lớn, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm tích cực tham gia giúp thị trường tăng trưởng ổn định và bền vững hơn. Thị trường Việt Nam đang có bước tích lũy về lượng, chuẩn bị cho bước nhảy về chất nâng là hạng thị trường trong năm 2019.

3. Cơ hội đầu tư vào chứng quyền có đảm bảo

Trải qua hơn 25 năm hình thành và phát triển, CW phát triển rất mạnh ở khu vực Châu Á – Thái Bình, chiếm 76% CW thế giới với giá trị trên 627 tỷ USD. Hong Kong và Đài Loan là 2 thị trường nổi bật trong khi thị trường Australia, Thái Lan, Singapore, Malaysia cũng đang phát triển nhanh chóng sản phẩm này. CW có ưu điểm nổi bật là niêm yết và giao dịch giống hệt với cổ phiếu thông thường tuy nhiên CW lại có các đặc tính như sản phẩm phái sinh về đòn bẩy tài chính, lợi nhuận không hạn chế trong khi lỗ tối đa cố định, phí giao dịch thấp nên khá gần gũi và thu hút đông đảo nhà đầu tư.

CW là sản phẩm phái sinh mang tính đòn bẩy cao nhưng lại rất an toàn với nhà đầu tư vì giá của một CW rẻ và lãi lý thuyết của CW là vô hạn. Cùng với đó, các nhà phát hành là những công ty chứng khoán có đánh giá tín dụng tốt nhất Việt Nam, đảm bảo những yêu cầu nghiêm ngặt về vốn và quản trị rủi ro để có thể thanh toán cho nhà đầu tư trong mọi trường hợp. Sản phẩm này mang đến lợi ích cho cả nhà đầu tư và nhà phát hành khi nhà đầu tư có cơ hội đầu tư qua kênh mới với giá thành thấp, không bị tính nợ và mang lại thêm nhiều chiến lược hơn cho nhà đầu tư. Trong khi đó, Nhà phát hành là các công ty chứng khoán có thể sử dụng phí thu được vào những cổ phiếu cơ bản tốt nhất và có tính hấp dẫn cao trên thị trường giúp thúc đẩy thị trường tài chính Việt Nam nhanh hơn và bền vững hơn.

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Các thông tin chung về tổ chức phát hành chứng quyền có bảo đảm

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Năm 1999	<ul style="list-style-type: none"> Được cấp phép thành lập ngày 26/11/1999, với tên giao dịch: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – có trụ sở tại Hà Nội, là Công ty chứng khoán đầu tiên trong ngành ngân hàng tham gia kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và cũng là một trong hai Công ty chứng khoán đầu tiên có những đóng góp cho thị trường chứng khoán Việt Nam.
Năm 2005	<ul style="list-style-type: none"> Được Bộ Tài chính tặng bằng khen về việc tổ chức bán đấu giá thành công cổ phần của Công ty Cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk).
Năm 2009	<ul style="list-style-type: none"> Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tôn vinh là 1 trong 15 Công ty chứng khoán tiêu biểu trong gần 100 thành viên giao dịch.

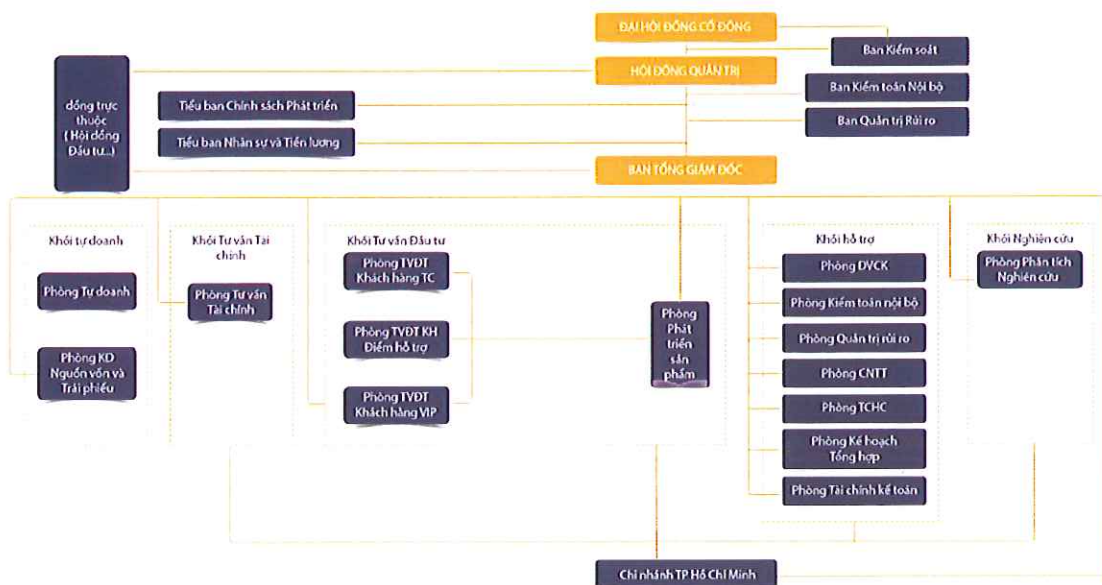
<p>Năm 2010</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Ngày 17 tháng 11 năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán cổ phần lần đầu ra công chúng. Đây là một bước ngoặt lớn đánh dấu sự trưởng thành của Công ty và cũng mở ra một chặng đường đầy thách thức với toàn thể Ban lãnh đạo cũng như cán bộ nhân viên khi Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh từ Công ty TNHH Nhà nước một thành viên sang mô hình Công ty cổ phần. ▪ Nhận giải thưởng Công ty tư vấn chứng khoán tốt nhất do Diễn đàn kinh tế Việt Nam và báo Vietnamnet bình chọn.
<p>Năm 2011</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Từ 01/01/2011 Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam với số vốn điều lệ là 865 tỷ đồng, đi vào hoạt động với mô hình mới. Ngày 19/07/2011, Công ty chính thức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là BSI. ▪ Nhận Huân chương lao động hạng 3 do Nhà nước trao tặng vì sự nghiệp đóng góp cho sự phát triển của thị trường chứng khoán.
<p>Năm 2013</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ BSC có mặt trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu của hai SGDCK (giữ vị trí thứ 9 trong TOP10 thị phần môi giới cổ phiếu trên cả HNX và HSX). Năm 2013 cũng là một năm ghi nhận nỗ lực của BSC trong hoạt động môi giới trái phiếu, Công ty đã vươn lên giữ vị trí dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu HNX.
<p>Năm 2014</p>	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Hoạt động tư vấn tài chính đã đạt được các thành tựu nổi trội với các thương vụ gây tiếng vang trên thị trường đặc biệt là tư vấn IPO cho Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam –Vietnam Airlines; Tư vấn phát hành 3.000 tỷ đồng trái phiếu Vinacomin; Tư vấn IPO cho Vinatex. ▪ Nhận bằng khen của Bộ Tài chính vì đã có những đóng góp vào thị trường chứng khoán giai đoạn 2009- 2013. ▪ Nhận giải thưởng Ngân hàng Đầu tư tốt nhất Việt Nam do tạp chí Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh TOP3 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2014 và TOP5 Công ty chứng khoán có giá trị bán đầu giá cổ

	<p>phần lớn nhất năm 2014.</p> <ul style="list-style-type: none"> ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương TOP5 thành viên tiêu biểu thị trường Trái phiếu chính phủ năm 2014.
Năm 2015	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán nợ tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Finance Asia và Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Nhận giải thưởng “Nhà thu xếp chứng khoán vốn tốt nhất Việt Nam” – Tạp chí Alpha South East Asia bình chọn. ▪ Nhận giải thưởng “Công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu giai đoạn 2005 – 2015” do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương. ▪ Tiếp tục giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. ▪ Thành viên tiêu biểu thị trường trái phiếu chính phủ 2015 do Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội biểu dương. ▪ Được Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vinh danh nằm trong TOP5 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu lớn nhất năm 2015, TOP10 Công ty chứng khoán có thị phần môi giới cổ phiếu lớn nhất năm 2015 và là Công ty chứng khoán có thương vụ IPO điển hình (IPO Tổng Công ty Cảng Hàng không Việt Nam – ACV).
Năm 2016	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được tạp chí CFI – một tạp chí uy tín về tài chính của Anh - bình chọn là Công ty môi giới chứng khoán tốt nhất Việt Nam năm 2016. ▪ Được Bộ tài chính tặng bằng khen với thành tích xuất sắc trong công tác huy động vốn cho NSNN thông qua phát hành trái phiếu chính phủ, góp phần vào thành công chung của ngành, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Tài chính – Ngân sách năm 2016.
Năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận giải thưởng “Best Investment Management 2017” do tạp chí World Finance bình chọn. ▪ Được HNX trao kỷ niệm chương “Công ty chứng khoán tiêu biểu năm 2017” và “Thành viên thị trường chứng khoán phát sinh đầu tiên”.

	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Được VSD tuyên dương là “Thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh đầu tiên”.
Năm 2018	<ul style="list-style-type: none"> ▪ Nhận giải thưởng “Nhà cung cấp dịch vụ quản lý tài khoản tốt nhất Việt Nam năm 2018” do tạp chí World Finance tổ chức. ▪ Nhận giải thưởng “Best Securities Broker Vietnam 2018” do tạp chí CFI bình chọn. ▪ Top 3 hạng mục Best Overall Country Research, Top 1 hạng mục Best analyst for Automobiles & Components tại giải bình chọn Asia Money Broker Poll 2018 do tạp chí AsiaMoney/EuroMoney, dựa trên khảo sát các khách hàng tổ chức trên toàn cầu.

1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Biểu đồ 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



Chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận trong Công ty như sau:

- **Phòng tư vấn tài chính:** Cung cấp các dịch vụ tư vấn liên quan đến tài chính và quản trị doanh nghiệp cho khách hàng bao gồm các dịch vụ tư vấn chào bán, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn mua bán sáp nhập doanh nghiệp (M&A), tư vấn tái cấu trúc, quản trị công ty và định giá cổ phần.
- **Khối phòng Tư vấn đầu tư:** Môi giới, tư vấn đầu tư chứng khoán, phát triển

và chào bán các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ của Công ty và chăm sóc khách hàng là các nhà đầu tư.

- **Phòng Phát triển sản phẩm:** Xây dựng chính sách khách hàng cho nghiệp vụ môi giới, xây dựng, đề xuất nâng cấp, cải tiến sản phẩm môi giới, quản lý dữ liệu các sản phẩm môi giới của Công ty.
- **Phòng Tụ doanh:** Triển khai các hoạt động đầu tư cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư niêm yết, chưa niêm yết theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty; Triển khai các hoạt động đầu tư góp vốn thành lập công ty, góp vốn hợp tác kinh doanh để đầu tư dự án theo chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Kinh doanh nguồn vốn và trái phiếu:** Triển khai các kênh huy động vốn, thực hiện các sản phẩm đầu tư tiền gửi, quản lý chi phí vốn đầu ra và đầu vào của Công ty; Tìm kiếm, đánh giá, phân tích, thẩm định và đề xuất các cơ hội đầu tư trái phiếu, quản lý theo dõi danh mục đầu tư và thực hiện các giao dịch mua bán trái phiếu
- **Phòng Phân tích – Nghiên cứu:** Thực hiện các hoạt động phân tích, nghiên cứu vĩ mô, thị trường, ngành, công ty, lập các báo cáo có liên quan và cung cấp thông tin, báo cáo cho các đối tượng sử dụng khác nhau trong và ngoài Công ty.
- **Phòng Tổ chức hành chính:** Thực hiện các công việc hành chính văn phòng, tổ chức, quản lý và phát triển nguồn nhân lực của Công ty.
- **Phòng Quản trị rủi ro:** gồm hai bộ phận: Quản trị rủi ro và Pháp chế. Bộ phận Quản trị rủi ro có chức năng giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của các phòng tại Hội sở và Chi nhánh, đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống; Bộ phận Pháp chế có chức năng tham mưu những vấn đề pháp lý, chế độ liên quan đến hoạt động của Công ty, tư vấn/hỗ trợ/tham vấn/phối hợp tham gia về mặt pháp lý đối với các sản phẩm, dịch vụ mà các đơn vị nghiệp vụ Công ty cung cấp cho các khách hàng/đối tác; Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế, công tác giải quyết tranh chấp tại Công ty.
- **Phòng Tài chính kế toán:** Hạch toán kế toán tài chính và kế toán quản trị; Phân tích và giám sát tài chính Công ty.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ:** Giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản liên quan, đồng

thời kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Công ty.

- **Phòng Kế hoạch tổng hợp:** Quản lý kế hoạch kinh doanh và tổng hợp báo cáo, kinh doanh nguồn vốn cho Công ty, truyền thông, PR cho công ty.
- **Phòng dịch vụ chứng khoán:** Xử lý giao dịch mua bán chứng khoán, thực hiện dịch vụ lưu ký, kế toán giao dịch và các dịch vụ chứng khoán hỗ trợ khác như cầm cố, thực hiện quyền, ứng trước...
- **Phòng Công nghệ thông tin:** Đảm bảo duy trì hệ thống CNTT của Công ty, triển khai và phát triển các ứng dụng phục vụ hoạt động quản lý và kinh doanh của BSC.

1.3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của BSC được tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật doanh nghiệp, công ty đại chúng và công ty chứng khoán như sau:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi, bổ sung số 62/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật chứng khoán và Nghị định 60/2015/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định 58/2012/NĐ-CP;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 6 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP và Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC;
- Thông tư 210/2012/TT-BTC của Bộ Tài Chính ngày 30 tháng 11 năm 2012 hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán và Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/1/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 210/2012/TT-BTC.
- Điều lệ của Công ty;

- Văn bản pháp luật khác có liên quan.



1.3.1. Đại hội đồng cổ đông

ĐHĐCĐ của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Theo quy định tại Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều 21 Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông có các thẩm quyền chính như sau:

- **Thẩm quyền quyết định định hướng phát triển của Công ty và các hoạt động kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty:**
 - Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - Quyết định mức chi trả cổ tức hàng năm;
 - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phổ thông đã bán lại;
 - Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - Quyết định loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
- Bầu, miễn nhiệm bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- **Thẩm quyền quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty.**

1.3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị BSC là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng quy định. Các nhiệm vụ quyền hạn cơ bản của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 34 Điều lệ BSC:

- **Thẩm quyền quyết định, điều hành các hoạt động của Công ty:**
- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh, kế hoạch định biên lao động hàng năm của Công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;
- Phê chuẩn các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá (10%) mười phần trăm giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- Phê chuẩn việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- Phê chuẩn việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- Phê chuẩn việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- **Thẩm quyền quyết định cơ cấu tổ chức, xử lý vi phạm các chức danh quản lý:**
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo ủy quyền;
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;

- Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

1.3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của BSC có 03 thành viên thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật doanh nghiệp như:

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ;
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan;

1.3.4. Ban Điều hành

Theo quy định tại Điều 44 Điều lệ BSC, thành phần Ban điều hành của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của Công ty nhằm thực hiện trách nhiệm quản lý và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Trong đó, Tổng Giám Đốc giữ vị trí quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc:

➤ **Điều hành các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty:**

- *Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;*
- *Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;*
- *Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng quản trị;*
- *Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;*
- *Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;*
- *Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;*

1.4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

1.4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của công ty và những người có liên quan

TT	Tên cá nhân	Chức vụ/Quan hệ	Giới tính	Địa chỉ	Số CMND/ĐKKD	Ngày cấp CMND/ĐKKD	Nơi cấp CMND/ĐKKD	Số lượng cổ phiếu cá nhân/đại diện sở hữu	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cổ đông lớn		BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	0100150619	3/4/1993	Ngân hàng Nhà nước	88.708.218	79,94 %
1	Phan Đức Tú	Chủ tịch HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	211109236	24/10/2000	Quảng Ngãi		
2	Phạm Quang Tùng	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	034071000042	31/03/2014	Hà Nội		
3	Ngô Văn Dũng	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011858489	9/9/2008	Hà Nội		
4	Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	264000044	31/08/2004	Ninh Thuận		
5	Bùi Quang Tiên	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	B8054147	13/08/2013	Cục Quản lý xuất nhập cảnh		
6	Lê Việt Cường	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	012438744	5/7/2001	Hà Nội		
7	Phan Thị Chinh	Ủy viên HĐQT	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011920202	8/9/2010	Hà Nội		
8	Trần Thanh Vân	Ủy viên HĐQT	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	200057314	11/5/2004	Đà Nẵng		
9	Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	012287551	18/01/2015	Hà Nội		

10	Lê Ngọc Lâm	Phụ trách Ban điều hành	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011893263	8/6/2009	Hà Nội		
11	Nguyễn Hoàng Thiên	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	194016544	28/04/2010	Quảng Bình		
12	Lê Kim Hòa	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	240254320	17/10/2003	Đắc Lắc		
13	Lê Trung Thành	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	024788171	21/08/1027	TP. Hồ Chí Minh		
14	Trần Xuân Hoàng	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	025519817	12/12/2011	TP. Hồ Chí Minh		
15	Trần Phương	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	121486596	10/4/2001	Bắc Giang		
16	Quách Hùng Hiệp	Phó TGD	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011733037	17/11/2003	Hà Nội		
17	Nguyễn Thị Thanh Vân	Giám đốc Ban Tài chính	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	B5093100	22/03/2011	Cục Xuất Nhập cảnh		
18	Võ Bích Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011399528	12/4/2007	Hà Nội		
19	Cao Cự Trí	Thành viên Ban kiểm soát	Nam	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	012500432	1/4/2002	Hà Nội		
20	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên Ban kiểm soát	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	011814791	15/06/2009	Hà Nội		
21	Tạ Thị Hạnh	Kế toán trưởng	Nữ	BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	012287440	22/06/2015	Hà Nội		
22	Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV Sumi-Trust (BSL)	Công ty con con của BIDV		472-472A-472C Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 02, Quận 03, TP. Hồ	0100777569	2/6/1998	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ		

				Chí Minh			Chí Minh		
23	Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	Công ty con của BIDV		Tầng 16, Tháp A, Tòa nhà Vincom, số 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	11/GP ĐC16/K DBH	6/1/2016	Bộ tài chính		
24	Công ty TNHH Quản lý Nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BAMC)	Công ty con của BIDV		Tầng 20, Tháp A, Tòa nhà Vincom, số 191 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	101196 750	12/1/2011	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội		
25	Công ty Cổ phần chứng khoán MHB (MHBS)	Công ty con của BIDV		#2,3 Số 4B TN Artex Sài Gòn 236-238 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - TP Hồ Chí Minh	45/UBC K-GPHĐ KD	28/12/2006	Ủy ban chứng khoán Nhà nước		
26	Công ty TNHH BIDV Quốc tế (BIDVI)	Công ty con của BIDV		Hồng Kong	111/BK H-ĐTRNN	20/03/2008	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		
27	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Quốc tế (IIDC)	Công ty con của BIDV		191 Bà Triệu - Phường Lê Đại Hành - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội	105094 855	31/12/2010	Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội		
28	Công ty chứng khoán Campuchia - Việt Nam	Công ty con của BIDV		#99 Norodom Blvd. (Samdech Pan), Phnom Penh, Cambodia	005.SE CC/PL PH	20/10/2010	Bộ Thương mại Campuchia		
29	Công ty bảo hiểm Campuchia - Việt Nam	Công ty con của BIDV		#591 Preah Monivong Blvd (93), Phnom Penh, Cambodia	Co.603 7/09E	06/08/2009	Bộ Thương mại Campuchia		
30	Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia (BIDC)	Công ty con của BIDV		#370, Monivong Blvd, Boeung Keng Kang I, Chamkarmon, Phnom Penh,	B7.09.1 48	14/08/2009	Ngân hàng Quốc gia Campuchia		

				Cambodia.					
31	Công ty Liên doanh bảo hiểm Lào Việt (LVI)	Công ty con của BIDV		3rd floor, LVB Tower, No44, Lanexang Avenue, Hatsady Village, Chamthabouly District, Vientiane, Lao PDR	077-08/ĐT	09/06/2008	Bộ Kế hoạch Đầu tư CHDCN D Lào		
32	Ngân hàng Liên doanh Lào Việt (LVB)	Công ty con của BIDV		44 LaneXang Avenue, Ban Hatsady Tay, Chanthabouly, Vientiane, Laos	004-15/KH/ĐT4	24/08/2015	Bộ Kế hoạch Đầu tư CHDCN D Lào		
II	PYN Elite Fund (non-UCITS) c/o PYN Fund Management Ltd	Cổ đông lớn		PL 139 FI-00101 Helsinki Finland	066527 5-5	25/03/1987	Finland	7.908.998	7,13%
1	Mr. Eino Laitinen	Managing Director		PL 139 FI-00101 Helsinki Finland	PX438 5105	10/08/2012	Finland		
2	Mr. Petri Deryng	Fund Manager		PL 139 FI-00101 Helsinki Finland	PC677 6087	17/09/2012	Finland		

Nguồn : BSC tổng hợp

1.4.2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ sở hữu

STT	Họ và tên	Số GCNĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/Vốn điều lệ
1	Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	0100150619	35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội	88.708.218	79,94%

Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 30/04/2019

1.5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

1.5.1. Công ty mẹ, công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối của BSC

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

- Địa chỉ: Số 35 Hàng Vôi, Phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội;
- Điện thoại: 024.22200588 Fax: 024.22200399
- Giấy phép hoạt động: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100150619, đăng ký lần đầu ngày 03/04/1993, đăng ký thay đổi lần thứ 24 ngày 26/11/2018 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.
- Vốn Điều lệ: 34.187.153.000.000 đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ của BIDV đối với BSC: 79,94%
- Ngành nghề kinh doanh chính: Cấp tín dụng (cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, phát hành thẻ tín dụng...); Dịch vụ Huy động vốn (tiền gửi tiết kiệm, trái phiếu, kỳ phiếu); Dịch vụ Tài trợ thương mại; Dịch vụ thanh toán (thanh toán trong nước, quốc tế); Dịch vụ tài khoản; Dịch vụ Thẻ ngân hàng; Các dịch vụ khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh...
- Kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng 3: Một số chỉ tiêu chính của BIDV

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/03/2019
Tổng tài sản	1.202.283.843	1.313.037.674	1.342.938.577
Vốn chủ sở hữu	48.834.010	54.551.462	56.652.302
Vốn Điều lệ	34.187.153	34.187.153	34.187.153
Tổng thu nhập hoạt động	39.016.720	44.483.062	10.705.259
Lợi nhuận sau	6.945.586	7.541.833	2.024.729

thuế			
------	--	--	--

Nguồn: BCTC BIDV

1.5.2. Danh sách công ty con của BSC

Không có.

1.5.3. Danh sách những công ty mà BSC đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

1.6. Thông tin về Ban điều hành tổ chức phát hành

1.6.1. Hội đồng Quản trị

Bảng 4: Danh sách các thành viên HĐQT

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Ngô Văn Dũng	Chủ tịch HĐQT	1968	011858489
Đỗ Huy Hoài	Thành viên HĐQT	1963	011133055
Nguyễn Thanh Huyền	Thành viên HĐQT	1982	001182000257
Lê Đào Nguyên	Thành viên độc lập HĐQT	1956	011432410

Nguồn: BSC

Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT:

a. Chủ tịch HĐQT

Họ và tên:	Ngô Văn Dũng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	19/01/1968
Nơi sinh:	Hải Dương

Số CMND:	011858489
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc:	
07/1991 - 11/1999	Cán bộ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Thanh tra Ngân hàng
12/1998 - 04/2001	Cán bộ - Chi nhánh Thăng Long – Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
05/2001 - 08/2002	Phó Giám đốc - Chi nhánh Thăng Long - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
09/2002 - 08/2004	Phó Giám đốc - Ban Tín dụng - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
09/2004 - 07/2007	Giám đốc - Ban Quản lý rủi ro - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
08/2007 - 05/2015	Giám đốc - Chi nhánh Hà Nội - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
06/2015 - nay	Ủy viên Hội đồng Quản trị - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Chủ tịch HĐQT
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	48.789.521 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 44,0% cổ phiếu BSI
Đại diện sở hữu	48.789.521 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 44,0% cổ phiếu BSI
Cá nhân sở hữu	0

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

b. Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Đỗ Huy Hoài
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	30/10/1963
Nơi sinh:	Thanh Hóa
Số CMND:	011133055
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc:	
1988 - 1990	CB Tập sự phòng Kinh tế kỹ thuật, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội
1990 - 1996	CB chính thức P.Kinh tế đối ngoại và TT Quốc tế, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội
1997 - 1999	Phó Trưởng phòng kinh tế đối ngoại và Thanh toán Quốc tế, Ngân hàng Đầu tư và xây dựng Hà nội

1999 - 2000	Trưởng phòng quản lý khách hàng, Sở Giao Dịch BIDV
2000 - 2001	Trưởng phòng nghiệp vụ, Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
15/1/2001 - 2/6/2001	Trưởng phòng quản lý khách hàng, Sở Giao dịch BIDV
2001 - 2003	Trưởng phòng tín dụng 2, Sở Giao dịch BIDV
2003 - 2005	Phó Giám đốc Sở Giao dịch BIDV
2005 - 2006	Giám đốc chi nhánh, BIDV chi nhánh Quang Trung
2007 - 2010	Giám Đốc, Công ty TNHH Chứng Khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Từ 01/01/2011- nay	Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	26.614.907 cổ phiếu, tương ứng 23,98% tỷ lệ cổ phiếu BSI
Đại diện sở hữu	26.612.465 cổ phiếu, tương ứng 23,98% tỷ lệ cổ phiếu BSI
Cá nhân sở hữu	2.442 cổ phiếu, tương ứng 0,00% cổ phiếu đang lưu hành.

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

STT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ % tổng số lượng cổ phiếu	Mối quan hệ
01	Lê Phương Lan	32.680	0,0294%	Vợ ông Đỗ Huy Hoài

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

c. Thành viên HĐQT

Họ và tên:	Nguyễn Thanh Huyền
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	02/10/1982
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	001182000257
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, CFA
Kinh nghiệm làm việc:	
02/2005 - 12/2009	Chuyên viên - Ban Quản lý đầu tư - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
01/2010 - 02/2015	Phó Trưởng phòng - Ban Quản lý đầu tư - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
03/2015 – 04/2019	Trưởng phòng - Ban Quản lý đầu tư - Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam
04/2019 – nay	Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Thành viên HĐQT
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	13,392,237 cổ phiếu, tương ứng 12,00% tỷ lệ cổ phiếu BSI
Đại diện sở hữu	13,306,232 cổ phiếu, tương ứng 12,00% tỷ lệ cổ phiếu BSI.
Cá nhân sở hữu	5 cổ phiếu, tương ứng 0,00% cổ phiếu BSI đang lưu hành.
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

d. Thành viên độc lập HĐQT

Họ và tên:	Lê Đào Nguyên
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	27/04/1956
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	011432410
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm làm việc:	
07/1983-09/1990	Chuyên viên, Hội sở chính BIDV
10/1990-03/1994	Phó Trưởng Phòng, Hội sở chính BIDV
04/1994-03/1997	Trưởng Phòng, Hội sở chính BIDV
04/1997-06/1998	Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
07/1998- 05/1999	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1
06/1999-06/2001	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh Sở giao dịch I – Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2001-05/2002	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
06/2002-06/2008	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam kiêm Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Liên doanh Lào Việt
07/2008-10/2010	Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
10/2010-04/2016	Ủy viên HĐQT Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
05/2016-04/2018	Nghỉ hưu theo chế độ
04/2018-nay	Thành viên độc lập HĐQT BSC
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Thành viên độc lập HĐQT BSC
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm)	0 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 0% cổ phiếu của BSC

30/04/2019)	
Đại diện sở hữu	0 cổ phiếu
Cá nhân sở hữu	0
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

1.6.2. Ban kiểm soát

Bảng 5: Danh sách kiểm soát viên:

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Bà Lê Phương Thủy	Trưởng Ban kiểm soát	1982	012168933
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Kiểm soát viên	1978	001078002872
Ông Trần Minh Hải	Kiểm soát viên	1973	011676909

Sơ yếu lý lịch kiểm soát viên:

a. Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên:	Lê Phương Thủy
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	16/12/1982
Nơi sinh:	Hà Nội

Số CMND:	012168933
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Kinh tế, Chứng chỉ Kế toán viên
Kinh nghiệm làm việc:	
09/2007 – 08/2010	Chuyên viên - Phòng Tài chính kế toán Hội sở - BSC
08/2010 - 11/2013	Kiểm soát chứng từ hạch toán giao dịch - Phòng Tài chính kế toán Hội sở - BSC
12/2013 – 04/2014	Kiểm soát chứng từ hạch toán giao dịch - Phòng Dịch vụ chứng khoán Hội sở - BSC
04/2014 - 10/2018	Kiểm soát chứng từ hạch toán giao dịch - Phòng Tài chính kế toán Hội sở - BSC
11/2018 – 10/04/2019	Phó Trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán Hội sở - BSC
11/04/2019 – 19/04/2019	Nhân sự ứng cử thành viên Ban Kiểm soát
20/04/2019 - nay	Trưởng ban kiểm soát BSC
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	0
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	0
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

b. Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên:	Nguyễn Thanh Tùng
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	16/10/1978
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	001078002872
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Tổ 8 Lê Mật, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Kinh nghiệm làm việc:	
03/2008 - 05/2008	Cán bộ - Ban Kiểm tra nội bộ (TA2) - Trụ Sở Chính - BIDV
05/2008 - 08/2008	Cán bộ - Phòng Kiểm tra 1 (Miền Bắc) - Ban Kiểm tra nội bộ - Trụ Sở Chính - BIDV
09/2008 - 06/2010	Cán bộ - Phòng Kiểm tra 1 (MB - TA2) - Ban Kiểm tra nội bộ (TA2) - Trụ Sở Chính - BIDV
07/2010 - 05/2012	Cán bộ - Phòng Kiểm tra nội bộ 2 – Ban Kiểm soát - Trụ Sở Chính - BIDV
05/2012 - 04/2013	Cán bộ - Phòng Kiểm tra 2-Ban Kiểm tra và giám sát-

	Trụ Sở Chính - BIDV
04/2013 - 09/2016	Cán bộ - Kiểm tra khu vực 2-Ban Kiểm Tra Giám Sát-Trụ Sở Chính - BIDV
10/2016 - 06/2017	Cán bộ - Ban Kiểm Tra Giám Sát-Trụ Sở Chính - BIDV
07/2017 - nay	Phó Trưởng phòng - Ban Kiểm Tra Giám Sát-Trụ Sở Chính - BIDV
04/2019 - nay	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Thành viên Ban kiểm soát
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	0
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	0
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Họ và tên:	Trần Minh Hải
Giới tính:	Nam

Ngày sinh:	28/05/1973
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	011676909
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kế toán ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc:	
09/1997-12/2000	Chuyên viên kế toán, phòng Tài chính Kế toán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2001-05/2005	Chuyên viên kế toán, phòng Kế toán Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
06/2005-12/2006	Phó phòng kế toán, Công ty TNHH chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
01/2007-03/2011	Chuyên viên kiểm tra nội bộ, phòng Kiểm tra nội bộ, Công ty chứng khoán ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam
08/2011-nay	Chuyên viên kiểm tra nội bộ, Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Thành viên Ban kiểm soát
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	0
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	0
Những người có liên quan	Không có

nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

1.6.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bảng 6: Danh sách Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Ông Đỗ Huy Hoài	Tổng Giám đốc	1963	011133055
Bà Ngô Thị Phong Lan	Phó Tổng Giám đốc	1978	023915915
Ông Nguyễn Duy Viễn	Phó Tổng Giám đốc	1979	011818406
Bà Trần Ngọc Diệp	Kế toán trưởng	1984	035184000301

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

a. Tổng giám đốc

Họ và tên: Đỗ Huy Hoài

(Xem sơ yếu lý lịch tại phần 1.6.1 - b)

b. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên:	Ngô Thị Phong Lan
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	19/11/1978
Nơi sinh:	An Giang
Số CMND:	023915915

Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ
Kinh nghiệm làm việc:	
15/6/2001 - 31/5/2005	Chuyên viên P.Phân tích Chi nhánh Công ty BSC
1/6/2005 - 14/12/2006	Phó Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC
15/12/2006 - 31/5/2007	Trưởng phòng Nghiên cứu và Phát triển Chi nhánh công ty BSC
1/6/2007 - 31/12/2010	Trưởng phòng Đầu tư và Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC
1/1/2011 - 16/3/2011	Trưởng phòng Tư vấn tài chính Chi nhánh công ty BSC
17/3/2011 đến 14/6/2014	Tổng Giám đốc công ty Chứng khoán CVS
15/6/2014 - 26/10/2014	Trợ lý Tổng Giám đốc BSC
27/10/2014 - nay	Phó Tổng Giám đốc BSC kiêm Giám đốc chi nhánh BSC
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Phó Tổng giám đốc
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	11.637 cổ phiếu tương đương 0,01% số cổ phiếu của BSC
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	11.637 cổ phiếu tương đương 0,01% số cổ phiếu của BSC
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có

Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Họ và tên:	Nguyễn Duy Viễn
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	28/01/1979
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	011818406
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ kinh tế
Kinh nghiệm làm việc:	
26/12/2000- 26/03/2001	Cán bộ tín dụng Chi nhánh Sở giao dịch I- BIDV
27/03/2001-30/09/2004	Cán bộ tín dụng Chi nhánh Bắc Hà Nội- BIDV
01/10/2004- 09/08/2007	Cán bộ tín dụng- Phòng Tín dụng 2- Ban Tín dụng- Hội sở chính BIDV
10/08/2007- 14/11/2007	Phó trưởng Phòng Pháp chế tín dụng- Ban Tín dụng- Hội sở chính BIDV
15/11/2007- 9/2009	Trưởng Phòng Kế hoạch Đầu tư- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam
09/2009-07/2012	Phó Tổng Giám đốc- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam

07/2012-10/2012	Quyền Tổng Giám đốc- Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam
10/2012-12/2017	Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam
01/2018-03/2019	Phó Giám đốc Ban Khách hàng Doanh nghiệp lớn- Hội sở chính BIDV
03/2019 - nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần chứng khoán BIDV (BSC)
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Phó Tổng giám đốc
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	0
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	0
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

c. Kế toán trưởng

Họ và tên:	Trần Ngọc Diệp
Giới tính:	Nữ

Ngày sinh:	27/04/1984
Nơi sinh:	Hà Nam
Số CMND:	035184000301
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân tài chính ngân hàng
Kinh nghiệm làm việc:	
11/2007 đến 20/3/2011	Chuyên viên phòng Tài chính kế toán
21/3/2011 - 31/01/2013	Phó Trưởng phòng Dịch vụ chứng khoán Hội sở BSC
01/02/2013 - 28/11/2016	Phó Trưởng phòng phụ trách phòng TCKT Hội sở BSC
28/11/2016 - nay	Kế toán trưởng, Công ty cổ phần chứng khoán ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Kế toán trưởng
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	11.704 cổ phiếu chiếm 0,01% cổ phiếu của BSC
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	11.704 cổ phiếu chiếm 0,01% cổ phiếu của BSC
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

1.7. Thông tin về nhân sự quản lý rủi ro liên quan tới hoạt động phát hành chứng quyền: kinh nghiệm, chuyên môn, uy tín, năng lực

Bảng 7: Danh sách các thành viên QTRR

Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND/Hộ chiếu
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro	1991	012869515
Ông Phạm Văn An	Chuyên viên Quản trị rủi ro	1994	013141146

Sơ yếu lý lịch các thành viên QTRR:

Họ và tên:	Nguyễn Quỳnh Hương
Giới tính:	Nữ
Ngày sinh:	22/11/1991
Nơi sinh:	Hà Nội
Số CMND:	012869515
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Tài chính, CFA level 2, FRM Level 1
Kinh nghiệm làm việc:	
07/2013 – 08/2015	Trợ lý dự án – Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tại Việt Nam
12/2016 - 09/2018	Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV
09/2018 - nay	Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng

	khoán BIDV
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Trưởng Bộ phận Quản trị rủi ro
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	1.000, tương đương tỷ lệ 0,00% cổ phiếu của BSC
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	1.000, tương đương tỷ lệ 0,00% cổ phiếu của BSC
Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:	Không có
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Họ và tên:	Phạm Văn An
Giới tính:	Nam
Ngày sinh:	25/06/1994
Nơi sinh:	Moskow, Nga
Số CMND:	013141146
Quốc tịch:	Việt Nam
Trình độ chuyên môn:	Thạc sỹ Quản trị rủi ro

Kinh nghiệm làm việc:	
03/2018 - nay	Chuyên viên Quản trị rủi ro - Công ty CP Chứng khoán BIDV
Chức vụ đang nắm giữ tại BSC	Chuyên viên Quản trị rủi ro
Tổng số cổ phiếu BSI nắm giữ (tại thời điểm 30/04/2019)	9.270 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 0,008% cổ phiếu của BSC
Đại diện sở hữu	0
Cá nhân sở hữu	9.270 cổ phiếu, tương đương tỷ lệ 0,008% cổ phiếu của BSC
Những khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:	Không có

Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu của tổ chức phát hành:

STT	Họ và tên	Số cổ phần	Tỷ lệ % tổng số lượng cổ phiếu	Mối quan hệ
01	Phạm Văn Khoan	31.250	0,028%	Bố đẻ ông Phạm Văn An

2. Các thông tin về kết quả hoạt động của tổ chức phát hành

2.1. Các hoạt động kinh doanh chính tại BSC

HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI

Tham gia thị trường chứng khoán ngay từ giai đoạn đầu của thị trường, mảng dịch vụ môi giới cổ phiếu và trái phiếu của BSC đều đạt được những thành tựu lớn và tạo

lập được thương hiệu vững chắc với đầy đủ dịch vụ.

Những sản phẩm cơ bản:

Giao dịch trực tuyến

- Các dịch vụ được tích hợp thông qua kết nối Internet, đầy đủ ứng dụng phù hợp cho máy tính cá nhân và các thiết bị di động
- Giao dịch web trader
- Giao dịch mobile trader
- Giao dịch home trader
- Giao dịch qua cổng kết nối trực tuyến bloomberg

Giao dịch kết nối với ngân hàng

- Tài khoản @ Securities: Là tài khoản giao dịch chứng khoán được liên kết tới một tài khoản tiền gửi tại BIDV giúp khách hàng sử dụng linh hoạt số dư tiền gửi tại ngân hàng.
- Tài khoản thấu chi: Khách hàng có thể đề nghị BIDV cấp một hạn mức vay thấu chi trên tài khoản tiền gửi, tăng sự thuận tiện và linh hoạt cho khách hàng khi sử dụng.
- Gửi tiết kiệm online: Khách hàng có thể thao tác trên các phương thức giao dịch trực tuyến của BSC để gửi tiết kiệm tại BIDV theo các kỳ hạn mong muốn khi chưa có nhu cầu giao dịch chứng khoán, giúp khách hàng tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi.
- Vay cầm cố chứng khoán: Là sản phẩm do BIDV cung cấp dành riêng cho các khách hàng của BSC. Khách hàng đang có chứng khoán thuộc danh mục cho vay của BIDV có thể cầm cố để vay vốn phục vụ cho các mục đích cá nhân khác.

Phân tích và tư vấn đầu tư

- Với thế mạnh về cơ sở dữ liệu, phong phú về nền tảng khách hàng, chuyên nghiệp về cung cách phục vụ, BSC có khả năng tiếp cận, phân tích và đánh giá một cách có hệ thống, toàn diện và sâu sắc nền kinh tế vĩ mô, thị trường và doanh nghiệp. Sản phẩm của BSC được đóng gói dưới nhiều dạng sản phẩm khác nhau, phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng sử dụng.

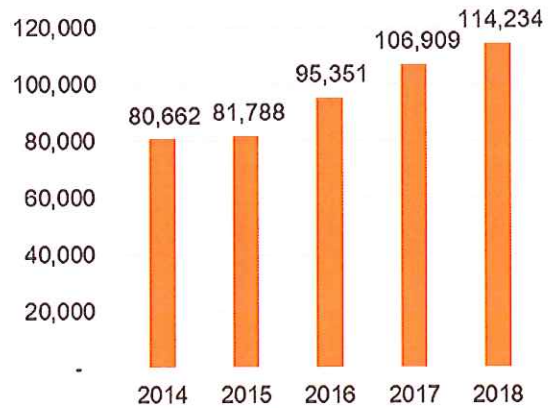
- Hệ thống báo cáo của BSC được cập nhật thường xuyên và kịp thời, đáp ứng đa dạng nhu cầu của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong nước và quốc tế.
 - o Báo cáo phân tích vĩ mô
 - o Báo cáo phân tích triển vọng ngành chuyên sâu
 - o Báo cáo phân tích doanh nghiệp
 - o Báo cáo phân tích tư vấn đầu tư

Điểm nhấn của hoạt động môi giới:

Thị phần môi giới cổ phiếu BSC



Số lượng tài khoản khách hàng tại BSC



Số lượng tài khoản đã *tăng trưởng* 42% trong 5 năm qua, khẳng định uy tín của BSC nói riêng và sự hấp dẫn của thị trường chứng khoán nói chung.

Thị phần môi giới cổ phiếu liên tiếp nằm trong TOP 10 Công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất trên sàn HSX và HNX. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của thị phần khối khách hàng tổ chức là yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy thị phần của BSC. Mạng lưới khách hàng được BSC tập trung khai thác thông qua việc hợp tác với các định chế tài chính lớn trong nước và nước ngoài đến từ Hồng Kong, Singapore và Nhật Bản.

Đối với môi giới trái phiếu, trong vòng 03 năm trở lại đây, BSC luôn giữ vững vị trí số 1 trong bảng xếp hạng các Công ty chứng khoán về đầu thầu trái phiếu Chính phủ và dẫn đầu thị phần môi giới trái phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Doanh thu môi giới năm 2018 đạt 204,1 tỷ đồng, tăng trưởng 7,75% so với năm 2017 là 189,3 tỷ đồng. Sự tăng trưởng nhanh chóng của doanh thu phí trong năm 2018 nhờ những phát triển vượt bậc của thị trường chứng khoán và sự bắt nhịp

nhANH chóng, tận dụng cơ hội thị trường của BSC.

Hoạt động cho vay ký quỹ

Giao dịch mua chứng khoán ký quỹ là giao dịch mua chứng khoán của khách hàng có sử dụng tiền vay của Công ty chứng khoán. Hoạt động cho vay và hoạt động môi giới là hai hoạt động có sự tương tác qua lại và hỗ trợ nhau chặt chẽ. Với định hướng thực hiện cho vay an toàn kết hợp với việc quản trị rủi ro chặt chẽ, hoạt động này thực sự đã đem lại nguồn thu lớn có tính chất bền vững cho BSC.

Tận dụng lợi thế mạng lưới đối tác, nhà cung cấp tín dụng lớn, BSC luôn có được nguồn tài trợ đủ lớn để đáp ứng được nhu cầu của nhà đầu tư. Nhờ nguồn cho vay lớn cộng với chính sách cho vay an toàn nhưng không kém phần cạnh tranh, linh hoạt, hoạt động không những đem lại doanh thu lớn mà còn duy trì và đảm bảo sự tăng trưởng thị phần trong tương lai.

Lãi từ các khoản cho vay và phải thu đầu tư chứng khoán của BSC tăng 2,89% từ 123,6 tỷ đồng (năm 2017) lên 127,1 tỷ đồng (năm 2018).

Hoạt động đầu tư

Là thành viên tích cực của thị trường chứng khoán, hoạt động tự doanh của BSC đã góp phần thúc đẩy giao dịch đối với cả thị trường chứng khoán vốn và chứng khoán nợ.

Chiến lược đầu tư của BSC được xây dựng trên nền tảng chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ và hướng đến tăng trưởng bền vững. Xác lập mục tiêu chiến lược khác biệt, không chỉ là một nghiệp vụ kinh doanh sinh lời mà thông qua đó, thực hiện mục tiêu hỗ trợ, phát triển các dịch vụ tư vấn, môi giới của Công ty.

Hoạt động ngân hàng đầu tư

BSC hoạt động trên các mảng nghiệp vụ ngân hàng đầu tư ngay từ những năm đầu thành lập. BSC cung ứng các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp chuyên sâu, hoạch định các phương án, giải pháp toàn diện nhằm kiến tạo những giá trị bền vững của doanh nghiệp; hội tụ những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của thị trường chứng khoán, tạo lập nền tảng gia tăng động lực mở rộng thị trường vốn.

Những sản phẩm dịch vụ chính

Tư vấn cổ phần hóa và niêm yết

- Chuyển đổi mô hình hoạt động và mở rộng cơ hội huy động vốn
- Sản phẩm bản lề, làm nên thương hiệu BSC với đối tượng khách hàng là các doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp thuộc các loại hình hoạt động

khác nhằm thay đổi cơ bản cấu trúc sở hữu để huy động vốn, thay đổi toàn diện phương thức quản lý và điều hành doanh nghiệp theo những hướng đi mới.

Tư vấn tái cấu trúc

- Tăng hiệu quả hoạt động
- Dịch vụ tư vấn xây dựng và hỗ trợ triển khai hệ thống các giải pháp và phương án nhằm giúp khách hàng doanh nghiệp chuyển đổi sang trạng thái tối ưu hơn và đảm bảo nguồn vốn được thu xếp là phù hợp nhất, với chi phí giá vốn tối ưu trong bối cảnh thị trường cũng như thực trạng của doanh nghiệp.

Tư vấn thu xếp vốn

- Kết nối doanh nghiệp với nguồn vốn phù hợp
- Một trong các dịch vụ cốt lõi, được BSC triển khai dưới nhiều công cụ huy động vốn đa dạng, linh hoạt. Mỗi công cụ là một tổ hợp các điều kiện, điều khoản thương mại quyết định cấu trúc giao dịch và chương trình hành động nhằm thực hiện thành công quá trình thu xếp vốn cho khách hàng.

Tư vấn M&A













- Kết nối bên mua và bên bán tạo động lực phát triển
- Tổ hợp các quá trình và phương án tư vấn toàn diện với vị trí tư vấn cho Doanh nghiệp bên bán hoặc nhà đầu tư bên mua. Tư vấn sáp nhập thực hiện tìm kiếm các cơ hội hợp tác chiến lược với các đối tác trong cùng ngành nghề. Tư vấn Mua bán thực hiện thu xếp vốn cổ phần có khối lượng chi phối để đối tác thực hiện mua lại và thay đổi chủ sở hữu chi phối doanh nghiệp.

Những thương vụ nổi bật

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán nợ:

300 tỷ đồng Vinaconex  2007	1000 tỷ đồng Vinpearl  2008	2000 tỷ đồng Vincom JSC  2008	120 tỷ đồng Công nghiệp Tân Tạo  2010	300 tỷ đồng Phong Phú  2010	300 tỷ đồng Long Hậu  2010
173 tỷ đồng Phú Thái  2011	500 tỷ đồng Eurowindow Holdings  2013	1500 tỷ đồng Than Khoáng Sản Việt Nam  2013	1000 tỷ đồng Hoàng Anh Gia Lai  2013	800 tỷ đồng Lilama  2017	1100 tỷ đồng Thành Thành Công  2017

Một số giao dịch tiêu biểu trên thị trường chứng khoán vốn:

104 tỷ đồng Phát hành niêm yết  2013	215 tỷ đồng Phát hành  2014	150 tỷ đồng Phát hành để hoán đổi cổ phiếu  2014	1093 tỷ đồng Phát hành  2014	1216 tỷ đồng Phát hành  2014	2564 tỷ đồng Phát hành cho cổ đông chiến lược  2014-2015
130 tỷ đồng Phát hành cho cổ đông chiến lược  2015	1116 tỷ đồng Phát hành  2015	400 tỷ đồng Tư vấn M&A  2016	4200 tỷ đồng Chào bán chiến lược  2016	13000 tỷ đồng Phát hành  2017	2000 tỷ đồng Phát hành  2017

2.2. Các tranh chấp/kiện tụng mà công ty đang gặp phải và diễn biến tại thời điểm hiện tại

Tại thời điểm hiện tại, BSC không có các tranh chấp/kiện tụng đối với các tổ chức, cá nhân có ảnh hưởng đến quyền lợi của BSC.

2.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến 31/03/2019

Bảng 8: Kết quả hoạt động kinh doanh BSC

Đơn vị: Nghìn VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Tổng giá trị tài sản	2.345.976	1.757.409	2.048.207
Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh	566.870	911.959	149.464
Lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh	207.867	238.351	40.610
Lợi nhuận khác	-1.582	162	
Lợi nhuận trước thuế	206.285	238.513	40.610
Lợi nhuận sau thuế	168.108	193.513	34.280

Nguồn: BCTC BSC

2.4. Các chứng quyền mà công ty đã phát hành

Chưa có

3. Tình hình tài chính

3.1. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc khế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 6 tháng. Tính đến thời điểm 31/03/2019, Công ty không có các khoản vay dài hạn. Số dư các khoản vay ngắn hạn của công ty như sau:

Bảng 9: Dư nợ ngắn hạn

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Vay ngắn hạn	1.051.974.900.000	250.000.000.000	403.579.142.857
Nợ ngắn hạn khác	91.465.110.802	67.044.790.845	180.165.708.686
Tổng nợ ngắn hạn	1.143.440.010.802	317.044.790.845	583.744.851.543

Nguồn: BCTC BSC

3.2. Thanh toán các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước tại thời điểm 31/12/2017; 31/12/2018 và 31/03/2019 như sau:

Bảng 10: Số dư các khoản thuế và phải nộp cho Nhà nước

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Thuế giá trị gia tăng	451.080.810	215.634.610	14.832.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.883.862.808	-	2.936.983.198
Thuế thu nhập cá nhân	1.190.866.134	788.058.346	217.324.031
Các loại thuế phải trả khác	6.580.712.164	3.739.829.151	4.843.686.889

Nguồn: BCTC BSC

3.3. Tổng dư nợ vay

Dưới đây là số dư các khoản nợ ngắn hạn, dài hạn tại ngày 31/12/2017; 31/12/2018 và 31/03/2019:

Bảng 11: Dư nợ ngắn và dài hạn

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Nợ ngắn hạn	1.143.440.010.802	317.044.790.845	583.744.851.543
Nợ dài hạn	-	-	-
Tổng dư nợ	1.143.440.010.802	317.044.790.845	583.744.851.543

Nguồn: BCTC BSC

Nợ quá hạn: Không có

Dư nợ bảo lãnh : Không có

3.4. Tình hình công nợ

3.4.1. Các khoản phải thu

Bảng 12: Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

Khoản mục	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
1. Các khoản phải thu bán các tài sản tài chính	870.910.000	16.148.160.000	-
2. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	15.765.928.663	19.485.342.290	15.427.057.938
3. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	2.796.400.407	4.583.576.812	2.300.387.446
4. Trả trước cho người bán	177.320.000	604.626.000	27.500.000
5. Phải thu khác	58.598.237	184.199.181	268.344.543
6. Dự phòng phải thu khó đòi	-21.000.000	-	-
Tổng cộng	19.648.157.307	41.005.904.283	18.023.289.927

Nguồn: BCTC BSC

3.4.2. Các khoản phải trả

Bảng 13: Các khoản phải trả

Đơn vị: VNĐ

	31/12/2017	31/12/2018	31/3/2019
Vay ngắn hạn	274.440.000.000	50.000.000.000	-
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	200.000.000.000	200.000.000.000
Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	779.824.573.614	-	203.579.142.857
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16.999.345.767	4.774.415.981	126.041.513.423
Phải trả người bán	8.491.270.857	4.847.722.626	5.044.687.361
Người mua trả tiền trước	1.301.179.960	1.567.820.060	1.412.788.720
Thuế và các khoản phải	22.106.521.916	4.743.522.107	8.012.726.015

nộp nhà nước			
Phải trả khác	40.277.118.688	51.111.310.071	39.653.993.167

Nguồn: BCTC BSC

3.5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 14: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của BSC

Đơn vị: VNĐ

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về an toàn tài chính			
- Giá trị vốn khả dụng (VNĐ):	1.221.004.218.833	1.399.355.183.827	
- Rủi ro (Rủi ro thị trường, rủi ro thanh toán, rủi ro hoạt động, rủi ro tăng thêm) (VNĐ)	246.840.255.211	226.778.381.349	
- Tỷ lệ vốn khả dụng:	495%	617%	
2. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,96	5,21	
- Hệ số thanh toán nhanh:	1,96	5,21	
3. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,48	0,18	
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,94	0,22	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu hoạt động	30%	21%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	14%	13%	
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	7%	11%	
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu hoạt động	37%	26%	
Thu nhập trên cổ phần (VNĐ)	1.658	1.792	

Nguồn: BCTC BSC

VI. CÁC THÔNG TIN VỀ CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Thông tin về chứng quyền

Tên chứng quyền	: Chứng quyền MWG/BSC/C/EU/Cash-01
Tên (mã) chứng khoán cơ sở	: Công ty cổ phần Đầu tư Thế giới di động (MWG)
Loại chứng quyền	: Chứng quyền mua
Kiểu thực hiện	: Thực hiện kiểu Châu Âu
Phương thức thực hiện chứng quyền	: Thực hiện bằng tiền
Thời hạn phát hành	: 3 tháng
Ngày phát hành	: Ngày sau khi được Ủy ban cấp phép (T)
Ngày giao dịch cuối cùng	: T + 88
Ngày đáo hạn	: T + 90
Tỷ lệ chuyển đổi	: 4:1 (4 chứng quyền tương đương 1 chứng khoán cơ sở)
Giá thực hiện	: Bằng giá tham chiếu của chứng khoán cơ sở tại ngày phát hành
Giá trị tài sản bảo đảm thanh toán	: 12.078.500.000 VND - 21.475.000.000 VND
Giá chào bán	: 1.700 VND – 3.100 VND
Tổng số lượng chào bán	: 1.000.000 chứng quyền
Tổng giá trị chào bán	: 3.100.000.000 VND

Phương pháp tính giá chào bán :

Công thức Black Scholes:

Giá lý thuyết của chứng quyền mua:

$$C = \frac{N(d_1)S - N(d_2)X e^{-r_c T}}{k}$$

Với

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

$$d_2 = d_1 - \sigma\sqrt{T}$$

Trong đó:

C: giá lý thuyết của chứng quyền mua;

$N(d_1)$, $N(d_2)$: Xác suất phân phối chuẩn tích lũy;

X: giá thực hiện của chứng quyền (bằng giá tham chiếu của tài sản cơ sở tại ngày phát hành)

S: giá chứng khoán cơ sở (giá tham chiếu của tài sản cơ sở ngày phát hành)

T: thời gian còn lại đến khi đáo hạn tính theo năm: 0,25

r_c : lãi suất phi rủi ro: 4,79% (Lãi suất trái phiếu chính phủ hiện hành 10 năm)

σ : độ biến động giá kỳ vọng của chứng khoán cơ sở tính theo năm: 36%-72% (36% là độ biến động giá lịch sử của cổ phiếu MWG được tính từ 01/03/2018 đến 31/05/2019. Độ biến động kỳ vọng dự kiến dao động trong khoảng 100%-200% giá trị trên nhằm phòng ngừa những sự biến động mạnh của cổ phiếu cơ sở).

k: tỷ lệ chuyển đổi của chứng quyền: 4:1. Tỷ lệ chuyển đổi được áp dụng khi thực hiện quyền tại thời điểm đáo hạn. Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền tổ chức phát hành phải trả cho người nắm giữ chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện, cụ thể:

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi].

Giá trị hệ số delta của chứng quyền mua theo mô hình Black-Scholes

$$\Delta_{CALL} = N(d_1)$$

Trong đó:

Δ_{CALL} : giá trị delta của chứng quyền mua.;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

2. Thông tin về chứng khoán cơ sở

Chứng khoán cơ sở là cổ phiếu MWG với mức vốn hóa 38.048 tỷ đồng. Độ biến động giá trong năm ở mức 36%. Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành là 443.496.178 cổ phiếu. Trong vòng 1 năm gần nhất, trung bình khối lượng giao

dịch trong ngày là 667.486 giao dịch, với mức giá cao nhất 98.300 VND và giá thấp nhất 75.000 VND. Dưới đây là 1 số thông tin cơ bản của chứng khoán cơ sở:

Bảng 15: Thông tin tài chính cơ bản về chứng khoán cơ sở

Đơn vị : Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	31/3/2019
Tổng giá trị tài sản	22.822.664	28.122.531	30.401.758
Vốn chủ sở hữu	5.908.916	8.983.035	10.017.109
Doanh thu	67.698.540	87.738.379	25.309.615
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	137.422	217.700	402.217
Lợi nhuận trước thuế	2.809.312	3.786.318	1.341.158
Lợi nhuận sau thuế	2.205.679	2.878.724	1.040.441
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	37,3%	32,0%	10,4%

Nguồn : BCTC của chứng khoán cơ sở

Bảng 16: Chỉ số tài chính của chứng khoán cơ sở

Các chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	31/03/2019
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,2	1,3	1,3
Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,43	0,33	0,47
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	74,1%	68,1%	67,1%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	286,4%	213,2%	203,5%
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,3%	3,3%	4,1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	37,4%	32,1%	10,4%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,7%	10,2%	3,4%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	4,2%	4,4%	5,3%
Thu nhập trên cổ phần (EPS) (VND)	6.962	6.495	2.346

Nguồn : BSC tổng hợp

3. Thời gian phân phối chứng quyền

Chứng quyền sẽ được phân phối ngay sau khi

- Ủy ban chứng khoán chấp thuận giấy chứng nhận chào bán chứng quyền
- BSC hoàn thành ký quỹ ban đầu theo đợt phát hành
- BSC hoàn thành công bố thông tin và bản cáo bạch

Thời gian phân phối chứng quyền tối đa là 15 ngày làm việc.

4. Phương án phân phối chứng quyền trong trường hợp số lượng đăng ký mua lớn hơn số lượng chào bán.

Tại thời điểm cuối đợt phân phối, trường hợp số chứng quyền chào bán ít hơn tổng số lượng đăng ký mua chứng quyền trong cả đợt chào bán, thì số chứng quyền của từng nhà đầu tư được mua sẽ xác định như sau:

$$\text{Số Chứng Quyền Nhà Đầu Tư được mua} = \text{Số Chứng Quyền chào bán} \times \frac{\text{Số Chứng Quyền từng Nhà Đầu Tư đăng ký mua}}{\text{Tổng số Chứng Quyền các Nhà Đầu Tư đăng ký mua}}$$

5. Đăng ký quyền mua

Các nhà đầu tư đăng ký mua chứng quyền theo đợt phát hành với BSC. Quy trình đăng ký mua chứng quyền tương tự như quy trình mua chứng khoán cơ sở trong các đợt IPO và phát hành bổ sung. Các nhà đầu tư chuyển khoản số tiền tương ứng với số lượng chứng quyền đăng ký mua vào tài khoản của BSC theo thông tin như sau:

Đơn vị nhận: Công ty cổ phần chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam

Số tài khoản: 123.10000.163777

Số tài khoản: 119.10.000.051.400

Ngân hàng: BIDV Chi nhánh Quang Trung Ngân hàng: BIDV Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

6. Thanh toán

Quy trình thực hiện:

TCPH phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:

- Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc thứ 2 sau ngày giao dịch cuối cùng tại SGDCK và là ngày đáo hạn chứng quyền trong trường hợp thực hiện chứng quyền do đáo hạn
- Thông tin về ngày thanh toán: Ngày thanh toán là ngày làm việc thứ 5 kể từ ngày đăng ký cuối cùng
- Tỷ lệ thanh toán: do TCPH tính toán và phải thông báo cho VSD chậm nhất vào ngày đăng ký cuối cùng

Hồ sơ thông báo thực hiện chứng quyền của TCPH bao gồm:

- Văn bản thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện chứng quyền
- Bản sao Quyết định của SGDCK về việc hủy niêm yết và thông báo ngày giao dịch cuối cùng của chứng quyền trên SGDCK

Trong vòng 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ của TCPH, VSD gửi Thông báo về việc chốt danh sách để thực hiện chứng quyền cho SGDCK và các Thành viên.

Trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD lập và chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký thực hiện chứng quyền dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có trách nhiệm đối chiếu thông tin người sở hữu chứng khoán trong Danh sách do VSD cung cấp với thông tin do TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp đang quản lý và gửi cho VSD Thông báo xác nhận dưới dạng chứng từ điện tử chậm nhất vào 11h ngày làm việc thứ hai kể từ ngày đăng ký cuối cùng để xác nhận chấp thuận hoặc không chấp thuận các thông tin trong Danh sách. Trường hợp không chấp thuận do có sai sót hoặc sai lệch số liệu, TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp phải gửi thêm cho VSD văn bản trong đó nêu rõ các

thông tin sai sót hoặc sai lệch để phối hợp với VSD điều chỉnh. Ngay sau khi điều chỉnh, VSD sẽ cung cấp lại Danh sách đã hiệu chỉnh dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.

Trong vòng 02 làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi TCPH Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện chứng quyền (Mẫu 14/CW). (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà TCPH đã đăng ký với VSD).

TCPH phải gửi Thông báo xác nhận Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (Mẫu 15/CW) cho VSD trong vòng 03 ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng. Trường hợp không chấp thuận thông tin trong Danh sách, TCPH phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

Trong vòng 01 ngày làm việc sau ngày nhận được Thông báo xác nhận của TCPH, VSD gửi văn bản thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan xác nhận việc phân bổ cổ tức, lợi tức bằng tiền, thanh toán lãi/gốc trái phiếu (Mẫu 16/CW) cho nhà đầu tư.

Chậm nhất 02 ngày làm việc trước ngày thanh toán tiền, TCPH phải chuyển đủ số tiền thanh toán cho người sở hữu chứng khoán lưu ký vào tài khoản tiền theo thông báo của VSD. Trường hợp chậm chuyển tiền thanh toán, chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày thanh toán, TCPH phải thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do chậm chuyển tiền. Căn cứ vào công văn của TCPH, VSD sẽ thông báo cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp có liên quan.

Tiền thanh toán cho người sở hữu chứng khoán lưu ký được VSD phân bổ vào tài khoản của TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp liên quan trong ngày làm việc liền trước ngày thanh toán. TVLK chịu trách nhiệm phân bổ tiền cho khách hàng sở hữu chứng khoán lưu ký trong ngày thanh toán.

Cách tính số tiền thanh toán:

Việc thanh toán lãi/lỗ chứng quyền tại ngày đáo hạn sẽ được thực hiện bằng tiền, cụ thể như sau:

Số tiền thanh toán cho một đơn vị chứng quyền là số tiền trên một đơn vị chứng quyền trong trường hợp Giá thanh toán lớn hơn Giá thực hiện, được tính từ chênh lệch giữa Giá thanh toán và Giá thực hiện.

Số tiền thanh toán = [(Giá thanh toán – Giá thực hiện) / Tỷ lệ chuyển đổi]. Trong đó:

Giá thanh toán = Giá đóng cửa trung bình của chứng khoán cơ sở 5 ngày làm việc liền tục trước ngày đáo hạn chứng quyền

Số tiền thanh toán ròng là số tiền thanh toán giảm trừ các chi phí thực hiện quyền (nếu có).

Trường hợp nhà đầu tư không đặt lệnh thực hiện chứng quyền, chứng quyền có lãi được tự động thực hiện theo phương thức thanh toán bằng tiền vào ngày đáo hạn.

Các biện pháp xử lý trong trường hợp tổ chức phát hành mất khả năng thanh toán.

Trong trường hợp Công ty bị mất khả năng thanh toán, Công ty đảm bảo sử dụng các nguồn để thanh toán và thực hiện nghĩa vụ đối với người sở hữu chứng quyền có bảo đảm như sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro cho Chứng quyền trên tài khoản tự doanh. Cụ thể: chứng khoán phòng ngừa rủi ro trong tài khoản tự doanh sẽ được bán trên thị trường, thu về tiền mặt để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư.
- Tài sản bảo đảm thanh toán đã được Công ty ký quỹ tại ngân hàng lưu ký cho các đợt phát hành chứng quyền có bảo đảm sẽ được sử dụng để thanh toán nghĩa vụ cho các nhà đầu tư. Số tiền bảo đảm thanh toán tại Ngân hàng ký quỹ là tiền mặt, có giá trị bằng 50% tổng giá trị của đợt phát hành.

Trường hợp Công ty bị giải thể, phá sản, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật về giải thể, phá sản đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

Trường hợp Công ty bị hợp nhất, sáp nhập, việc bảo đảm thanh toán và nghĩa vụ của Công ty thực hiện theo quy định pháp luật doanh nghiệp.

Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

7. Quyền của người sở hữu chứng quyền

Người sở hữu chứng quyền mua được nhận khoản tiền chênh lệch khi giá của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện tại thời điểm thực hiện;

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần;

Trong trường hợp chứng quyền bị hủy niêm yết do tổ chức phát hành đình chỉ, tạm ngừng hoạt động; hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động; khi bị phát hiện hồ sơ đăng ký chào bán chứng quyền có những thông tin sai lệch, bỏ sót nội dung quan trọng có thể ảnh hưởng tới quyết định đầu tư và gây thiệt hại cho nhà đầu tư; do chứng khoán cơ sở bị hủy niêm yết;

hoặc do Sở Giao dịch Chứng khoán xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư:

- Tổ chức phát hành sẽ thực hiện mua lại các chứng quyền đang lưu hành thông qua hoạt động tạo lập thị trường, trong khoảng thời gian từ khi có Quyết định hủy niêm yết chứng quyền đến ngày hủy niêm yết chứng quyền có hiệu lực.
- Sau ngày hủy niêm yết có hiệu lực, đối với các chứng quyền còn lưu hành, tổ chức phát hành phối hợp với Trung tâm Lưu ký thanh toán tiền cho các nhà đầu tư đang sở hữu chứng quyền. Giá thanh toán được tính theo công thức Black-Scholes tại mục 1 Chương VI của Bản cáo bạch, với:
 - S: Giá chứng khoán cơ sở được công bố tại thời điểm có Quyết định hủy niêm yết chứng quyền;
 - T: Thời gian còn lại đến ngày đáo hạn = 0

8. Điều chỉnh chứng quyền

Tổ chức phát hành phải điều chỉnh chứng quyền trong các trường hợp sau: Giá chứng khoán cơ sở bị điều chỉnh do tổ chức phát hành chứng khoán cơ sở chia cổ tức bằng tiền mặt, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu mới...

Cách thức điều chỉnh giá thực hiện và tỷ lệ chuyển đổi chứng quyền khi chứng khoán cơ sở có sự kiện doanh nghiệp như sau:

- Thời điểm thực hiện điều chỉnh: Ngày giao dịch không hưởng quyền của tài sản cơ sở.
- Giá thực hiện mới = Giá thực hiện cũ x (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền/Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền).
- Tỷ lệ chuyển đổi mới = Tỷ lệ chuyển đổi cũ x (Giá tham chiếu điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền /Giá tham chiếu chưa điều chỉnh của tài sản cơ sở tại ngày giao dịch không hưởng quyền)..
- Tỷ lệ thực hiện hoặc giá thực hiện điều chỉnh cần làm tròn tới 4 chữ số thập phân.
- Việc điều chỉnh khác sẽ căn cứ theo quyết định điều chỉnh của Sở Giao dịch Chứng khoán, tổ chức phát hành sẽ thực hiện điều chỉnh.

9. Các khoản thuế, phí, lệ phí, giá dịch vụ phát sinh từ việc giao dịch hoặc thực hiện chứng quyền

Phần trình bày về thuế trong Mục này dựa trên các quy định hiện hành tại ngày phát hành Bản cáo bạch và phụ thuộc vào bất kỳ thay đổi về luật nào có thể có hiệu lực hồi tố được ban hành sau ngày phát hành Bản cáo bạch. Những nội dung trình bày về thuế trong Mục này có thể thay đổi trong tương lai do sự thay đổi về luật và quy định về thuế tại Việt Nam.

Thuế giá trị gia tăng

Các hoạt động liên quan tới chào bán, niêm yết, giao dịch, tạo lập thị trường, kinh doanh chứng khoán, bù trừ, thanh toán chứng quyền thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo Công văn số 1468/BTC-CST ngày 7/2/2018 của Bộ Tài chính.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ chứng quyền áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%. Thời điểm xác định thu nhập tính thuế với công ty chứng khoán phát hành chứng quyền là thời điểm phát hành chứng quyền mua, thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm thực hiện quyền.

Khoản chênh lệch tăng/giảm do đánh giá lại chứng quyền có bảo đảm và tài sản cơ sở cuối năm tài chính không tính vào thu nhập/chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Thuế đối với tổ chức nước ngoài

Với tổ chức nước ngoài có thu nhập từ chuyển nhượng chứng quyền có bảo đảm áp dụng tỷ lệ thuế 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế trước khi thanh toán tiền.

Thuế thu nhập cá nhân

Về thuế TNCN, số tiền thuế sẽ tính bằng giá chuyển nhượng chứng quyền có đảm bảo từng lần nhân với mức thuế suất 0,1%. Cách tính này áp dụng cho cả hai trường hợp: Trước ngày đáo hạn, nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền; trước ngày đáo hạn, chứng quyền bị hủy niêm yết.

Đối với nhà đầu tư, thời điểm xác định thu nhập tính thuế là khi nhà đầu tư chuyển nhượng chứng quyền mua trên hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch chứng khoán

hoặc thời điểm chứng quyền bị hủy niêm yết hoặc thời điểm nhà đầu tư thực hiện quyền.

Công ty chứng khoán, ngân hàng lưu ký nơi cá nhân, nhà thầu nước ngoài mở tài khoản lưu ký có trách nhiệm khấu trừ thuế TNCN trước khi thanh toán tiền.

10. Hoạt động tạo lập thị trường

Nhằm đảm bảo thanh khoản cho các chứng quyền đang lưu hành, tổ chức phát hành có nghĩa vụ tạo lập thị trường cho các chứng quyền do mình phát hành, cụ thể:

Nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Tổ chức phát hành phải tham gia đặt lệnh tạo lập thị trường trong vòng (05) phút kể từ khi có một trong các sự việc sau đây xảy ra:

- Chỉ có lệnh bên mua hoặc bên bán chứng quyền;
- Không có lệnh bên mua và bên bán chứng quyền;
- Tỷ lệ chênh lệch giá trên thị trường vượt quá 5%. Tỷ lệ chênh lệch giá là tỷ lệ phần trăm của (giá chào bán thấp nhất - giá chào mua cao nhất)/giá chào mua cao nhất.

Khi tham gia đặt lệnh, tổ chức tạo lập thị trường phải tuân thủ:

- Khối lượng mỗi lệnh tối thiểu là 100 chứng quyền.
- Loại lệnh sử dụng là lệnh giới hạn.
- Giá đặt lệnh phải đảm bảo không vượt tỷ lệ chênh lệch giá (5%).
- Trường hợp không có lệnh mua và lệnh bán chứng quyền, tổ chức tạo lập thị trường phải yết giá hai chiều (đặt cả lệnh chào mua và lệnh chào bán).
- Thời gian tồn tại của lệnh trên hệ thống giao dịch tối thiểu là một (01) phút.

Miễn trừ nghĩa vụ yết giá tạo lập thị trường

Trong các trường hợp sau, tổ chức phát hành không phải thực hiện hoạt động tạo lập thị trường:

- Đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa, năm (05) phút đầu sau khi kết thúc đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá mở cửa và đợt khớp lệnh định kỳ xác định giá đóng cửa;
- Tài sản cơ sở của chứng quyền bị tạm ngừng giao dịch;

- Khi giá lý thuyết của chứng quyền được tính theo công thức nêu tại bản cáo bạch của tổ chức phát hành nhỏ hơn hoặc bằng 10 đồng;
- Số lượng chứng quyền trên tài khoản tạo lập thị trường không đáp ứng số lượng tối thiểu 100 chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Khi chưa có chứng quyền nào được lưu hành (trường hợp tổ chức phát hành chưa bán được chứng quyền nào cho nhà đầu tư), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Trường hợp thực hiện hủy niêm yết chứng quyền, tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Giá chứng quyền tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán hoặc Giá chứng quyền giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua;
- Giá chứng khoán cơ sở tăng kịch trần (dư mua trần), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán đối với chứng quyền mua;
- Giá chứng khoán cơ sở giảm kịch sàn (dư bán sàn), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh mua đối với chứng quyền;
- Chứng quyền đang ở trạng thái có lãi từ 30% trở lên (tức chứng quyền mua đang có giá chứng khoán cơ sở cao hơn 30% so với giá thực hiện), tổ chức phát hành được miễn đặt lệnh bán;
- Trong mười bốn (14) ngày trước khi chứng quyền đáo hạn;
- Khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh...
- Các trường hợp khác được Sở Giao dịch Chứng khoán áp dụng sau khi có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

VII. QUẢN TRỊ RỦI RO CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

1. Quy trình quản trị rủi ro

BSC thực hiện quản trị rủi ro theo Chính sách quản trị rủi ro được HĐQT Công ty phê duyệt.

Việc quản trị rủi ro nghiệp vụ chứng quyền được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Trước khi phát hành: phương án phát hành chứng quyền có bảo đảm được đánh giá trên cơ sở tuân thủ các quy định của Ủy ban, Sở giao dịch và bộ tiêu chí an toàn nội bộ của BSC.

- Trong suốt thời gian có hiệu lực của chứng quyền, BSC thực hiện quản trị rủi ro nghiệp vụ thông qua kiểm soát các chỉ tiêu về chênh lệch giữa vị thế phòng ngừa rủi ro lý thuyết và thực tế, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng...

Rủi ro liên quan đến chứng quyền có bảo đảm được kiểm soát hàng ngày và được báo cáo lên Ban Lãnh đạo, thông báo tới các phòng kinh doanh khi vượt hạn mức rủi ro quy định theo từng thời kỳ.

2. Phương án phòng ngừa rủi ro dự kiến

2.1. Phương án bảo đảm thanh toán cho người sở hữu chứng quyền

Việc thanh toán cho người sở hữu chứng quyền được bảo đảm bằng các nguồn tài sản sau:

- Tài sản phòng ngừa rủi ro và các tài sản khác có trên tài khoản tự doanh;
- Tài sản có trên tài khoản ký quỹ tại ngân hàng lưu ký;

Trường hợp không đủ tài sản để thanh toán thực hiện chứng quyền, việc giải quyết quyền lợi cho người sở hữu chứng quyền thực hiện theo quy định pháp luật liên quan áp dụng đối với chủ nợ có bảo đảm một phần.

2.2. Phương án phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền

Mục đích phòng ngừa rủi ro:

Để tổng chi phí phòng ngừa rủi ro trong suốt thời gian từ khi phát hành chứng quyền đến khi đáo hạn chứng quyền không được quá chênh lệch với khoản phí chứng quyền hợp lý.

Chi phí phòng ngừa rủi ro bao gồm:

- Chi phí mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro: Chi phí này là khoản lỗ tiềm năng khi tổ chức phát hành thực hiện việc mua/bán chứng khoán cơ sở hàng ngày để phòng ngừa rủi ro cho danh mục chứng quyền đang lưu hành. Khoản chi phí này luôn phát sinh bất kể việc chứng quyền có được nhà đầu tư thực hiện hay không;

Việc mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro dựa vào hệ số delta trong mô hình Black-Scholes, cụ thể

$$\Delta = N(d1)$$

Trong đó:

Delta: giá trị delta của chứng quyền mua;

$N(d_1)$: xác suất phân phối chuẩn tích lũy, với d_1 được xác định theo công thức định giá Black Scholes.

$$d_1 = \frac{\ln\left(\frac{S}{X}\right) + \left(r_c + \frac{\sigma^2}{2}\right)T}{\sigma\sqrt{T}}$$

Các tham số của d_1 được quy định tại phần V, mục 1 của Bản cáo bạch

- Chi phí lãi vay khoản tiền dùng để mua chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Chi phí giao dịch khi mua/bán chứng khoán cơ sở trong quá trình phòng ngừa rủi ro;
- Phí chứng quyền hợp lý là mức phí được tính toán theo các công thức định giá quyền chọn (còn gọi là giá lý thuyết) căn cứ trên một mức độ biến động hợp lý của giá tài sản cơ sở.

Tổ chức thực hiện phòng ngừa rủi ro:

- **Ban điều hành** có trách nhiệm tổ chức triển khai tư vấn, xây dựng chiến lược và chính sách quản trị rủi ro, thực hiện chiến lược và chính sách quản trị rủi ro đã được hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu phê duyệt và ban hành; điều hành hoạt động quản trị rủi ro hàng ngày của tổ chức, chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị, hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu về việc thực hiện quyền và trách nhiệm trong công tác quản trị rủi ro của mình.
- **Bộ phận Sản phẩm cấu trúc** (thuộc Phòng Tự doanh) là bộ phận trực tiếp quản trị rủi ro trong việc phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền; có nhiệm vụ thực hiện các hoạt động mua bán chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro, thực hiện báo cáo về chênh lệch vị thế phòng ngừa rủi ro thực tế và lý thuyết hàng ngày theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán; cung cấp thông tin và phối hợp với Bộ phận Quản trị rủi ro để quản trị và kiểm soát rủi ro cho sản phẩm chứng quyền có bảo đảm.

Cơ cấu nhân sự:

STT	Tên	Vị trí	Chứng chỉ chuyên môn	Số năm kinh nghiệm
1	Hoàng Toàn	Giám đốc đầu	Chứng chỉ quản lý quỹ, Chứng	6

	Quân	tư	chỉ phái sinh	
2	Vũ Giang Sơn	Chuyên viên đầu tư phái sinh		4
3	Nguyễn Hùng Thắng	Chuyên viên đầu tư phái sinh		3

- **Bộ phận Quản trị rủi ro** (thuộc Phòng Quản trị rủi ro) là bộ phận chịu trách nhiệm giám sát hoạt động, phòng ngừa rủi ro của bộ phận trực tiếp quản trị rủi ro; đảm bảo các rủi ro được quản lý theo chính sách của Công ty và sự tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro được ban hành trong toàn hệ thống.
- **Phòng Kiểm soát nội bộ** có trách nhiệm giám sát và kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật, quy định của Luật chứng khoán và các văn bản liên quan; và kiểm tra, rà soát sự tuân thủ chính sách, thủ tục, quy trình nghiệp vụ tại các phòng/bộ phận trong công ty.

Nguyên tắc thực hiện tổng quát:

BSC áp dụng phương án phòng ngừa rủi ro trung hòa delta, tức cùng với việc phát hành chứng quyền, BSC sẽ đồng thời thực hiện các giao dịch mua bán chứng khoán cơ sở để giữ cho tổng vị thế của công ty là trung hòa delta ($\Delta = 0$) khi giá chứng khoán cơ sở thay đổi.

Chứng khoán phòng ngừa rủi ro:

- Chứng khoán cơ sở của chứng quyền.
- Các loại chứng khoán khác có cùng chứng khoán cơ sở của chứng quyền (nếu có).

3. Kinh nghiệm phát hành chứng quyền của tổ chức phát hành

Không có

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : (+84.24) 3831 5100

Fax: (+84.24) 3831 5090

2. Ngân hàng lưu ký

NGÂN HÀNG TMCP TIỀN PHONG

Trụ sở chính : Tòa nhà TPBank, Số 57 Lý Thường Kiệt, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : (+84.24) 3768 8998

Fax: (+84.24) 3768 8979

IX. Xung đột lợi ích

Tổ chức phát hành công bố các mối quan hệ giữa tổ chức phát hành và các bên cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ chức phát hành nếu mối quan hệ đó có khả năng gây ra xung đột lợi ích với việc phát hành chứng quyền. Các bên này bao gồm các bên tư vấn, kế toán, kiểm toán, luật, chuyên gia hoặc các bên khác cung cấp dịch vụ tư vấn cho tổ chức phát hành.

Chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi tham gia vào các hoạt động ngân hàng, đầu tư, môi giới, quản lý quỹ, bảo hiểm rủi ro, đầu tư và các hoạt động khác và có thể có các thông tin quan trọng về Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc phát hành hoặc cập nhật các báo cáo nghiên cứu về Công ty và/ hoặc chứng khoán cơ sở. Các hoạt động, thông tin và/ hoặc các báo cáo nghiên cứu như vậy có thể liên quan đến hoặc ảnh hưởng đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở và có thể gây ra những hậu quả bất lợi cho Nhà đầu tư hoặc tạo ra mâu thuẫn quyền lợi liên quan đến việc phát hành chứng quyền. Chúng tôi không có nghĩa vụ công bố những thông tin như vậy và có thể phát hành báo cáo nghiên cứu và tham gia vào bất kỳ hoạt động nào như vậy mà không liên quan đến việc phát hành chứng quyền.

Trong quá trình kinh doanh thông thường, chúng tôi và các công ty con, chi nhánh của chúng tôi có thể thực hiện các giao dịch cho tài khoản của chúng tôi hoặc cho các khách hàng của chúng tôi và có thể tham gia vào một hoặc nhiều giao dịch liên quan đến Công ty và/ hoặc các chứng khoán cơ sở hoặc các sản phẩm phái sinh liên quan. Điều này có thể gián tiếp ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư.

X. Cam kết

Tổ chức phát hành cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong bản cáo bạch này

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC *Đỗ Huy Hoàng*



Đỗ Huy Hoàng

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Lê Phương Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Ngọc Diệp

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG
ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Ngô Văn Dũng



XI. PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức phát hành

Phụ lục 2: Điều lệ của tổ chức phát hành

Phụ lục 3: Báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất của tổ chức phát hành